

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Các khái niệm cơ bản liên quan đến bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến bán hàng

Bán hàng (tiêu thụ) là khâu cuối cùng kết thúc một quá trình kinh doanh, nó chính là khâu trung gian nối liền sản xuất và tiêu dùng. Đặc biệt thông qua quá trình tiêu thụ mục tiêu lợi nhuận được thực hiện.

Thực chất, bán hàng là chuyển quyền sở hữu sản phẩm gắn với phần lớn lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Quá trình bán hàng được coi là hoàn thành khi có đủ 2 điều kiện:

- Đơn vị bán phải chuyển quyền sở hữu hàng hóa đó.
- Đơn vị mua đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ hàng hóa để thỏa mãn nhu cầu của đơn vị ngoài doanh nghiệp gọi là tiêu thụ ra ngoài. Trường hợp cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty gọi là tiêu thụ nội bộ.

Khi hàng hóa được giao cho người mua và người bán đã hoặc sẽ thu được tiền thì khi đó quá trình bán hàng mới hoàn tất. Quá trình này diễn ra nhanh hay chậm, đơn giản hay phức tạp có mối quan hệ chặt chẽ với phương thức bán hàng. Số tiền thu được từ hoạt động bán hàng được coi là doanh thu bán hàng.

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế DN thu được trong kì hạch toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của DN góp phần làm tăng vốn CSH.

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý DN là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ DN.

*** Các phương thức bán hàng**

✓ **Phương thức tiêu thụ trực tiếp.**

Phương thức tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng chính thức được coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua phải thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán số tiền hàng khi người bán đã giao hàng.

Bán buôn hàng hóa

Bán buôn hàng hóa là bán hàng cho mạng lưới bán lẻ, cho sản xuất tiêu dùng, thanh toán tiền hàng chủ yếu không dùng tiền mặt mà thông qua ngân hàng hoặc bằng các hình thức thanh toán khác.

Bán lẻ hàng hóa

Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Hàng hóa được bán trực tiếp cho người tiêu dùng. Hàng bán lẻ thường có khối lượng nhỏ, thanh toán ngay và hình thức thanh toán thường là tiền mặt.

✓ **Phương thức bán hàng đại lý, kí gửi**

Là phương thức mà bên chủ hàng – doanh nghiệp thương mại (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý, kí gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được nhận hoa hồng hay chênh lệch giá, đó chính là doanh thu của bên đại lý, kí gửi. Khi chủ hàng xuất giao hàng cho đại lý thì số hàng đó chưa được coi là tiêu thụ và vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào bên đại lý đã thông báo bán được hàng hoặc chấp nhận thanh toán cho bên chủ hàng thì khi đó mới xác định là tiêu thụ hàng hóa.

Với hình thức tiêu thụ này đòi hỏi các đại lý kí gửi phải đảm bảo nhận hàng, giao tiền đúng thời gian quy định và bán theo giá mà doanh nghiệp đã định.

✓ **Phương thức tiêu thụ nội bộ.**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa giữa đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm khoán sản phẩm, hàng hóa, xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất.

✓ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. DN chỉ hạch toán vào TK 511 – Doanh thu bán hàng, phần doanh thu bán hàng thông thường (bán hàng thu tiền một lần). Phần lãi trả chậm được coi như một khoản thu nhập hoạt động tài chính và hạch toán vào bên Có TK 515 – Doanh thu từ hoạt động tài chính.

✓ **Phương thức hàng đổi hàng.**

Theo hình thức này, doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng và đổi lại, khách hàng giao cho doanh nghiệp hàng hóa khác với giá trị tương đương. Phương thức này có thể chia làm 3 trường hợp:

- Xuất và lấy hàng ngay tại kho.
- Xuất hàng trước, lấy hàng hóa về sau.
- Nhận hàng trước, xuất hàng trả sau.

1.1.1.2. Các khái niệm liên quan đến xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được sau một thời kì nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi và lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra và thu nhập kinh doanh đã thu về trong kỳ. Nếu thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả kinh doanh là lãi, thu nhập nhỏ hơn chi phí thì doanh nghiệp bị lỗ.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào từng đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

1.1.2. Nguyên tắc kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán bán hàng.

- Hạch toán doanh thu bán hàng phải tôn trọng nguyên tắc chi phí, doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh phải phù hợp với niên độ kế toán.

- Chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ các khoản doanh thu bán hàng của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ hạch toán. Không hạch toán vào các tài khoản doanh thu chưa chắc chắn có khả năng thực hiện.

- Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại hình kinh doanh. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.

- Trường hợp bán hàng thông thường thì mức giá để ghi doanh thu là giá bán ghi trên hóa đơn:

+ Đối với doanh nghiệp chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán chưa thuế.

+ Đối với doanh nghiệp không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì mức giá ghi nhận doanh thu là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất nhập khẩu).

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị hàng hóa, vật tư nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán thu tiền một lần. Phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu được và giá bán thu tiền một lần được tính vào thu nhập tài chính (phần này không phải chịu thuế GTGT).

- Trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng qua đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu tính theo giá bán mà doanh nghiệp quy định cho đại lý (không được trừ vào tiền hoa hồng).

- Đối với các cơ sở đại lý nhận bán hộ và bán theo giá quy định thì doanh thu được tính bằng tiền hoa hồng được hưởng (không phải chịu thuế GTGT).

- Đối với trường hợp hàng đổi hàng thì mức giá để ghi nhận doanh thu được tính theo giá thông thường của sản phẩm xuất đổi.

- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lí do về chất lượng, quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán gửi trả lại cho người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận: hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng theo dõi riêng biệt trên các TK 531 “Hàng bán bị trả lại” hoặc TK 532 “Giảm giá hàng bán”, TK 521 “Chiết khấu thương mại”.

- Không hạch toán vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trong các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá thành phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên một công ty, tổng công ty hạch toán toàn ngành (sản phẩm, bán thành phẩm dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

+ Số tiền thu được về nhượng bán, thanh lí TSCĐ.

+ Các khoản thu nhập khác không được coi là DTBH và cung cấp dịch vụ.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi bán: dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là tiêu thụ).

- Khi hạch toán vào TK 3387 “Doanh thu chưa thực hiện” cần tôn trọng một số quy định sau đây:

+ Khi bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu được ghi nhận.

+ Giá bán trả ngay được ghi nhận bằng việc quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Phần lãi bán hàng trả chậm, trả góp là chênh lệch giữa giá bán trả chậm trả góp và giá bán trả ngay được ghi nhận vào tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện”

1.1.2.2. Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được tính như sau:

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời khối lượng hàng hóa bán ra. Quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng từ đó phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- Lựa chọn phương thức xác định giá vốn hàng xuất bán và tính toán đúng giá trị hàng xuất bán, xác định chi phí bán hàng, góp phần đưa ra kết quả bán hàng đầy đủ, chính xác.

- Kiểm tra, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng thường xuyên để có thể cung cấp thông tin cho lãnh đạo về việc thực hiện tiến độ tiêu thụ hàng hóa. Từ đó lập kế hoạch tiêu thụ cho kỳ sau.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động

- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.2.1 Kế toán bán hàng.

1.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 – GTKT – 3LL).
- Bảng kê hàng: bảng kê hàng hóa bán ra, bảng kê hàng gửi bán đã tiêu thụ...
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, ủy nhiệm thu, lệnh chuyển tiền ...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 155: Thành phẩm
- Tài khoản 156: Hàng hóa
- Tài khoản 157: Hàng gửi bán

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 512: Doanh thu nội bộ
- Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán
- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

❖ Kết cấu tài khoản 155, 156, 157:

Bên Nợ	TK 155, 156, 157	Bên Có
<u>Dư đầu kỳ</u>		
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa nhập kho hoặc gửi bán, kí gửi. - Trị giá thành phẩm, hàng hóa thừa phát hiện khi kiểm kê. - Trị giá lao vụ, dịch vụ đã thực hiện với khách hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. - Kết chuyển trị giá vốn thực tế của hàng hóa, thành phẩm gửi bán chưa được khách hàng chấp nhận thanh toán cuối kì (Phương pháp kiểm kê định kì). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa dịch vụ xuất kho hoặc gửi bán đã được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. - Trị giá thành phẩm, hàng hóa thiếu phát hiện khi kiểm kê thừa. - Trị giá hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ khách hàng trả lại hoặc không chấp nhận. - Kết chuyển trị giá thành phẩm, hàng hóa đã gửi đi chưa được khách hàng thanh toán đầu kì (PP KKĐK). 	
Cộng PS Nợ		Cộng PS Có
<u>Dư cuối kỳ</u>		
Phản ánh trị giá thành phẩm, hàng hóa tồn kho hoặc gửi đi bán chưa được khách hàng chấp nhận thanh toán.		

❖ ***Tk 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 5 TK cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ giá, trợ cấp

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

❖ ***Tài khoản 512 – Doanh thu tiêu thụ nội bộ.***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ có 3 TK cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng nội bộ

TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511, 512.

Bên Nợ	TK 511, 512	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản chiết khấu thương mại và khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận trên khối lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ. - Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là tiêu thụ trong kì kế toán. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kì kế toán.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 511, 512: không có số dư cuối kỳ

* **Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại:** là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng hoá, đối với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

* **Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại:** là số tiền doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng do vi phạm các điều kiện cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng hoá kém chất lượng, hàng hoá sai quy cách, chủng loại...

* **Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán:** là số tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua trên giá đã thoả thuận do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, thời hạn đã được quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc ưu đãi đối với những khách hàng mua sản phẩm của doanh nghiệp với khối lượng lớn.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521, 531, 532.

Bên Nợ	TK 521, 531, 532	Bên Có
<ul style="list-style-type: none">- Số chiết khấu thương mại đã chấp thuận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kì.- Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kì, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.- Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng phát sinh trong kì.		<ul style="list-style-type: none">- Cuối kì kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu tiêu thụ nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kì kế toán.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 521, 531, 532: không có số dư cuối kỳ

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

* **Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán:** Phản ánh trị giá vốn hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã bán (được chấp nhận thanh toán hoặc đã thanh toán) và kết chuyển trị giá vốn hàng bán sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh.

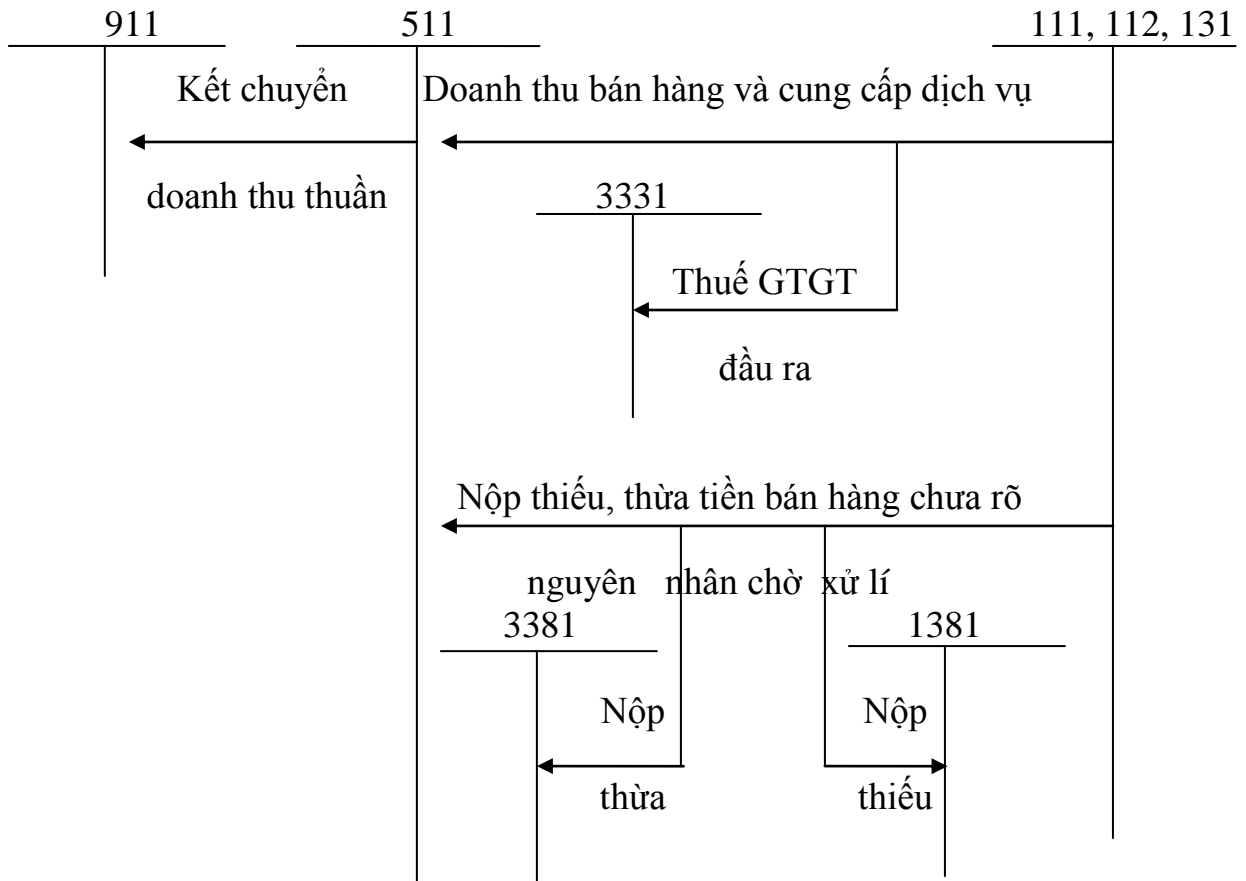
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632

Bên Nợ	TK 632	Bên Có
<ul style="list-style-type: none">- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì.- Phản ánh số chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản lập dự phòng năm trước.- Giá thành sản xuất hoàn thành trong kì- Phản ánh trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ trong kì.- Các khoản khác tính vào giá vốn hàng bán.		<ul style="list-style-type: none">- Phản ánh hoàn lập số chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm trước lớn hơn số năm nay.- Kết chuyển giá thành sản xuất thực tế của hàng tồn kho cuối kì.- Kết chuyển trị giá vốn của hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kì.- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì sang bên nợ TK 911 để xác định kết quả.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kì.

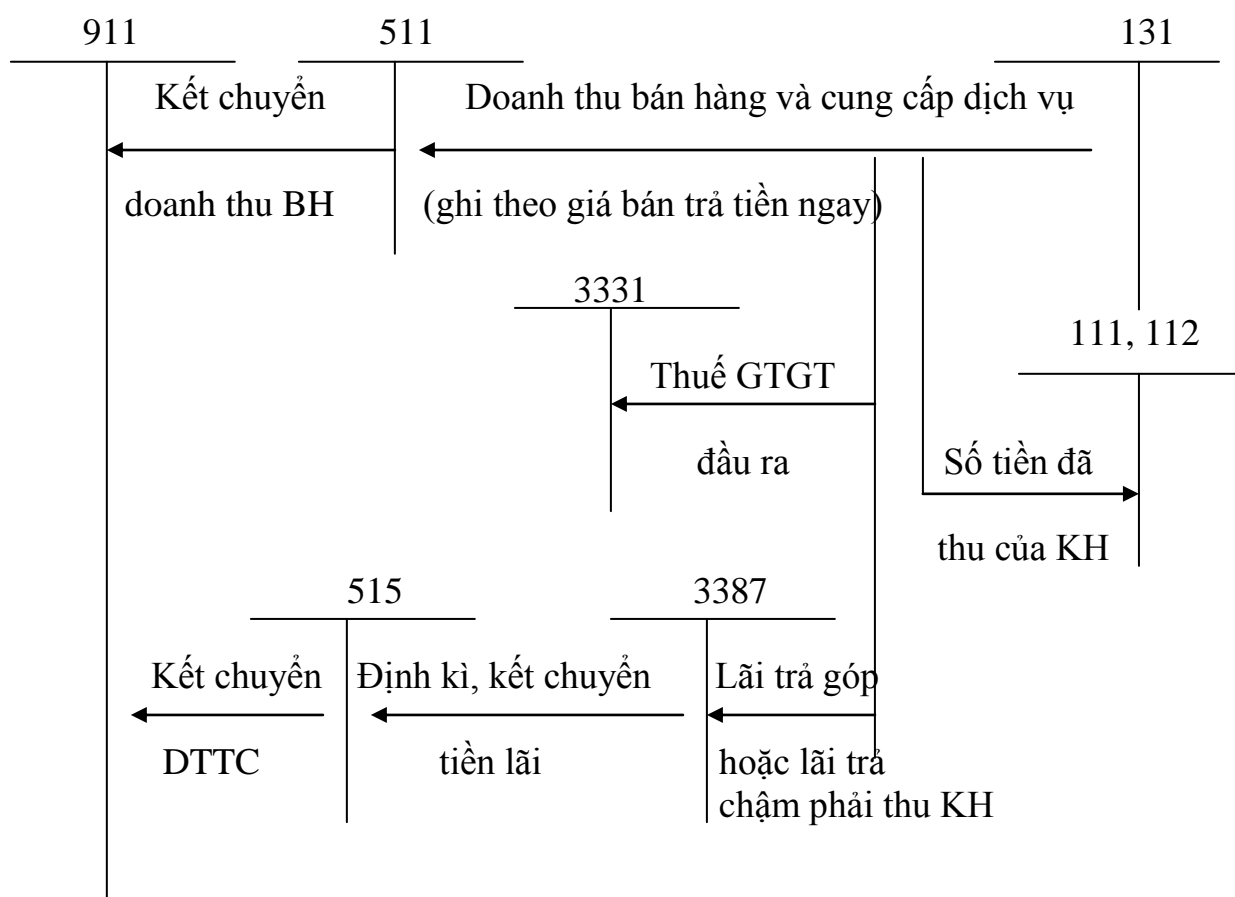
1.2.1.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

*** Hạch toán doanh thu bán hàng.**

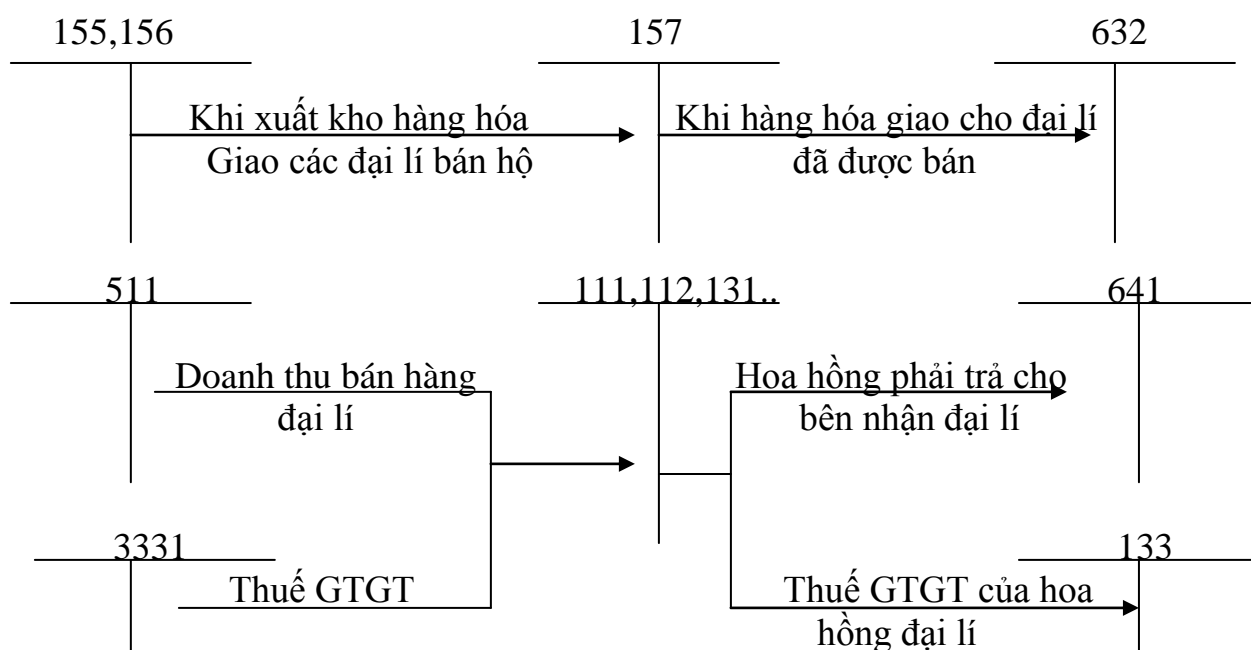


Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

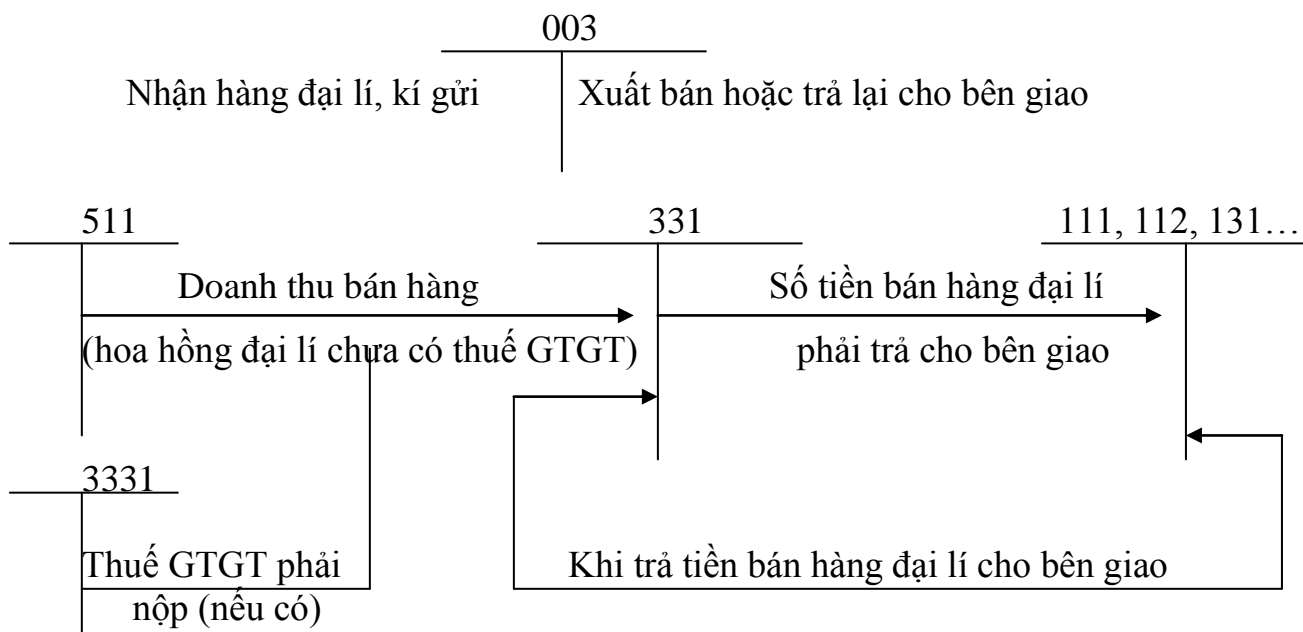


Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

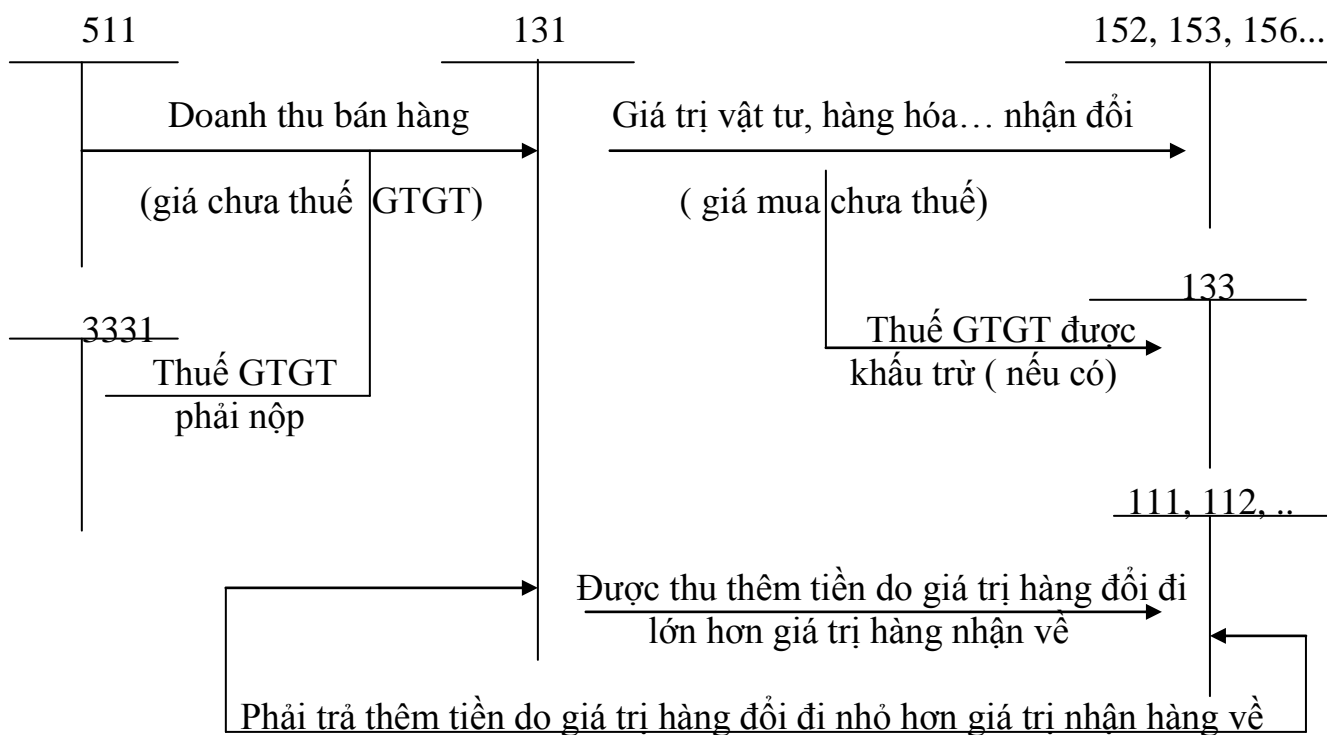


Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức đại lý tại đơn vị giao đại lý.

+ Trường hợp doanh nghiệp là đơn vị nhận bán hàng đại lí, bán đúng giá hưởng hoa hồng.



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức đại lý tại đơn vị nhận bán hàng đại lý



Sơ đồ 1.5. Kế toán bán hàng theo phương thức đổi hàng
*** Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng.**

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

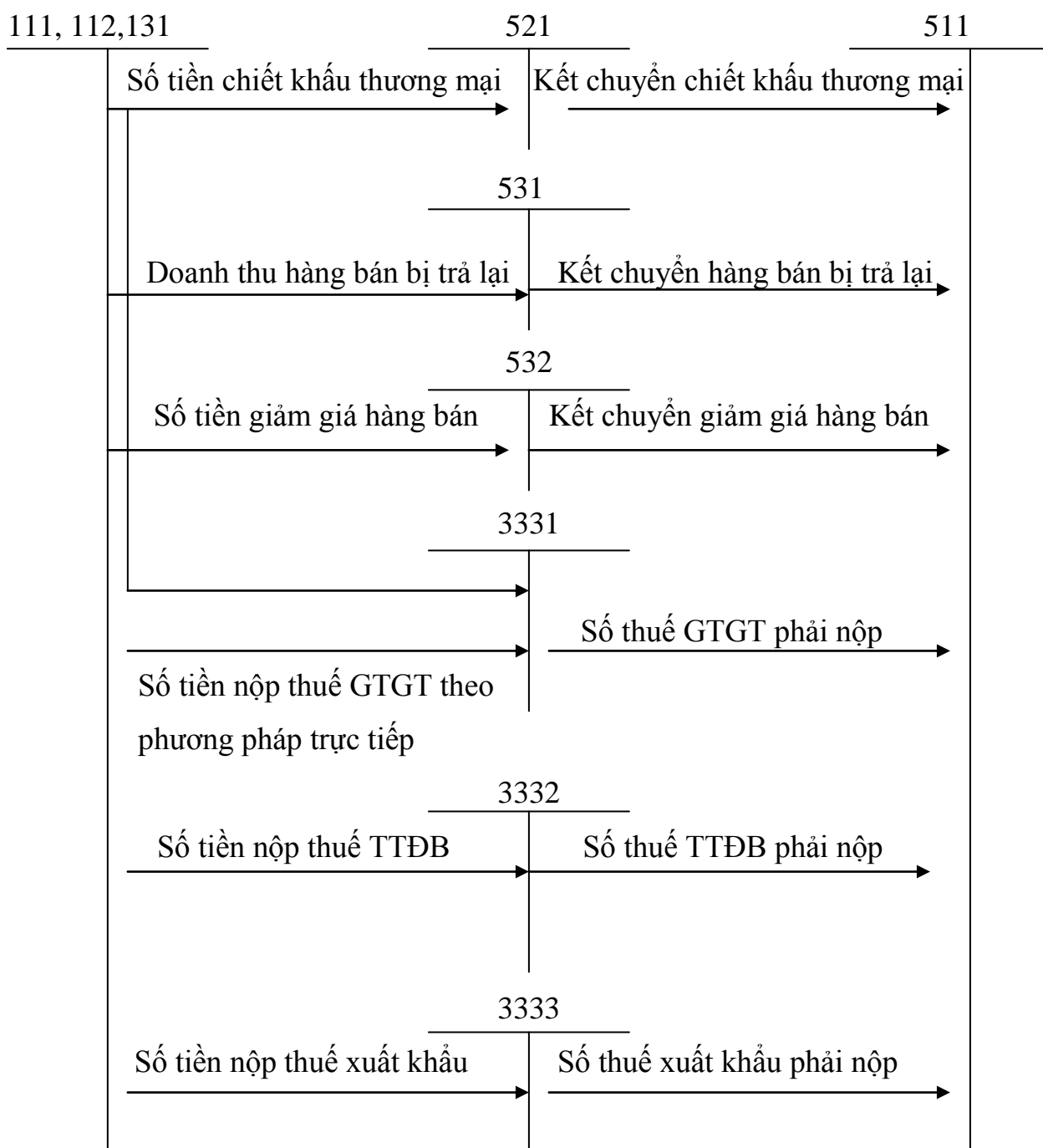
Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do các nguyên nhân: thực hiện chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh nghiệp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kì kế toán.

- Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) là thuế đánh vào một số lô hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong quy định danh mục chịu thuế của Nhà nước.

- Thuế xuất khẩu phải nộp do Hải Quan tính trên cơ sở trị giá bán tại cửa khẩu ghi trong hợp đồng của lô hàng xuất (thường là giá FOB) và thuế suất thuế xuất khẩu của mặt hàng xuất và được quy đổi về tiền Việt Nam đồng theo tỉ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân Hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xuất khẩu.

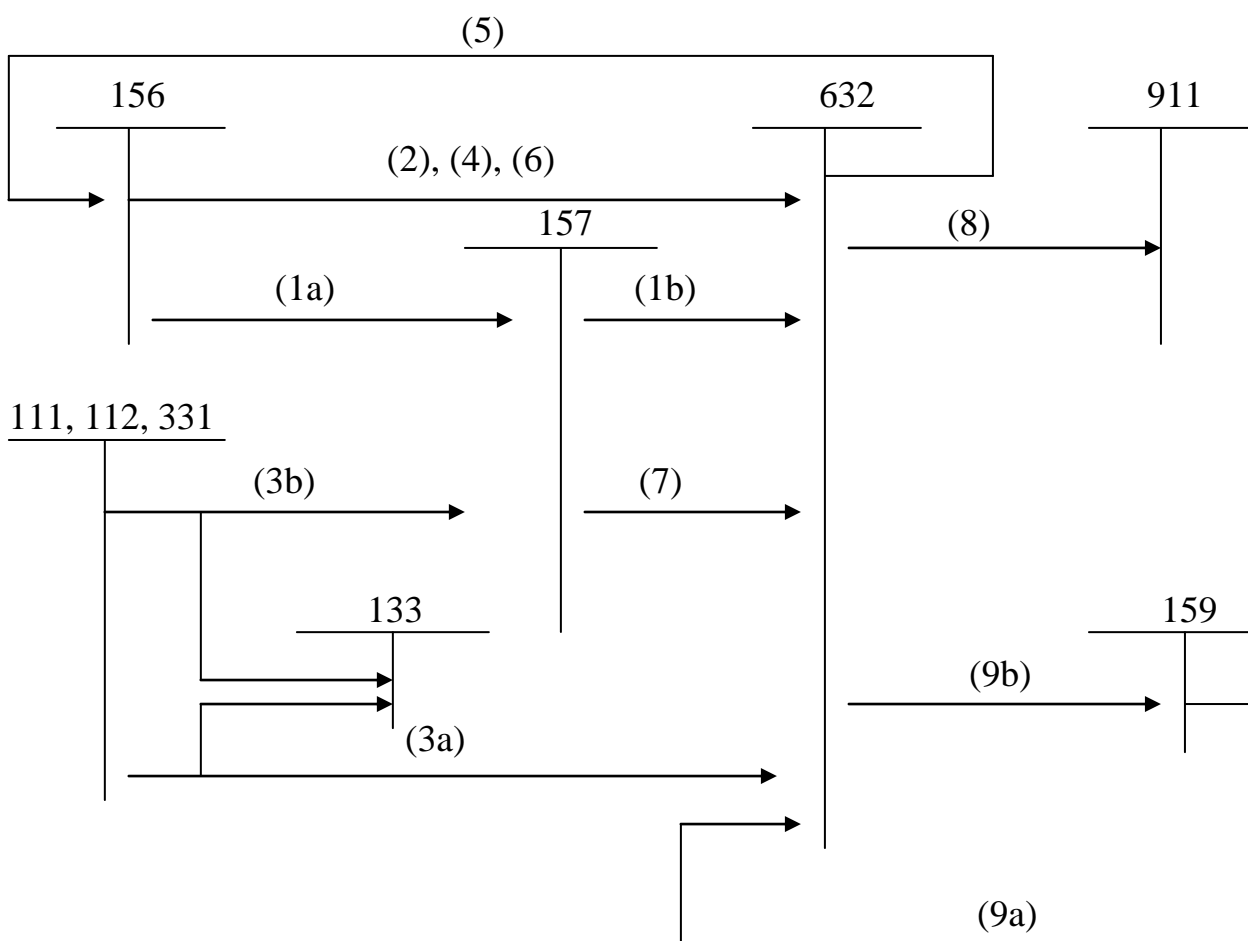
Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.



Sơ đồ 1.6: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng

*** Hạch toán giá vốn hàng bán**

- Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.7: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương thức bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

Chú thích:

1. Bán buôn qua kho theo phương thức chuyển hàng.
 - (1a) Trị giá xuất kho hàng hóa gửi bán.
 - (1b) Trị giá vốn của hàng gửi bán đã xác định tiêu thụ.
- (2) Trị giá vốn hàng xuất bán theo phương thức bán buôn qua kho giao hàng trực tiếp tại kho.
3. Bán buôn vận chuyển thẳng không nhập kho.
 - (3a) Bán buôn vận chuyển thẳng giao bán trực tiếp tay 3.
 - (3b) Bán buôn vận chuyển thẳng cho đại lí.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- (4) Trị giá vốn hàng hóa bán buôn vận chuyển thẳng được giao bán trực tiếp.
- (5) Hàng hóa hoặc lao vụ, dịch vụ bị khách hàng trả lại.
- (6) Khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường.
- (7) Phân bổ chi phí mua hàng cho trị giá vốn của hàng bán trong kì.
- (8) Cuối kì, kết chuyển trị giá vốn hàng bán vào TK 911 để xác định kết quả.
- (9a) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (9b) Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kì.

+ Phương pháp kiểm kê định kì là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa tồn đầu kì và cuối kì.

+ Trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – “Mua hàng”.

+ Phương pháp kiểm kê định kì phản ánh việc xác định trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kì và tính theo công thức:

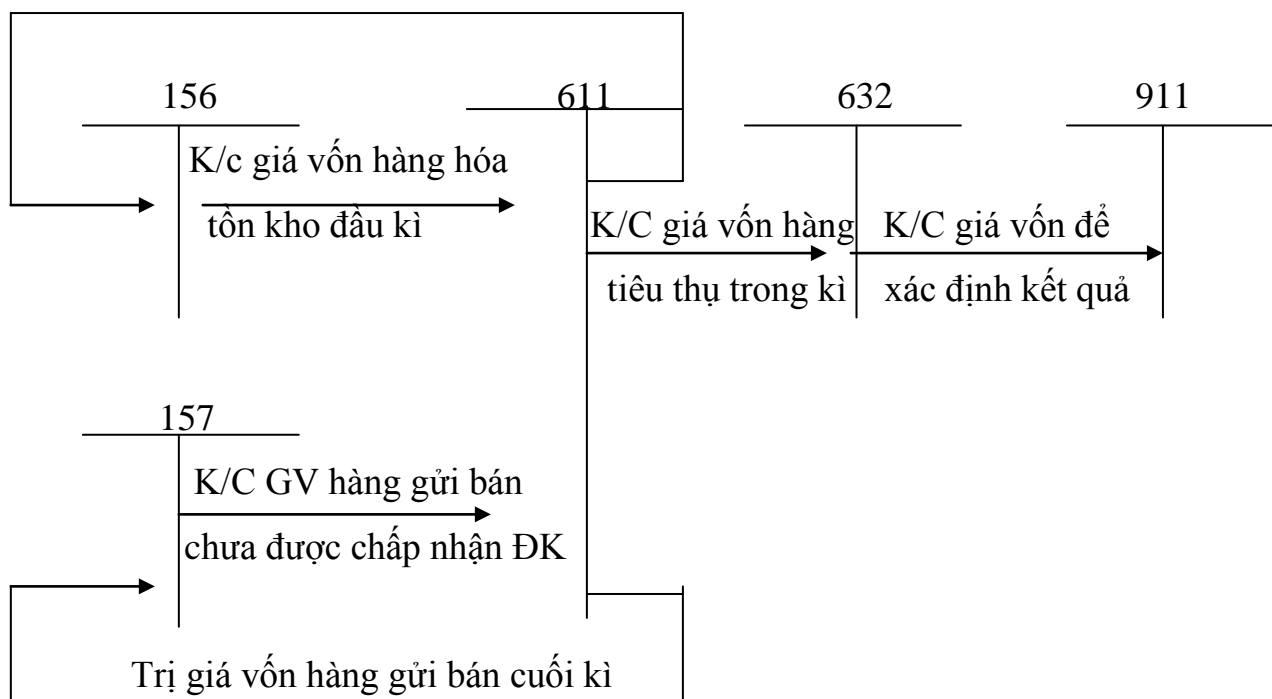
$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kì} & + & \text{nhập trong kì} & - & \text{tồn cuối kì} \end{array}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định trị giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho:

Trị giá vốn của hàng bán trong kì	=	Trị giá vốn thực tế của hàng tồn kho ĐK	+	Trị giá vốn của hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ ĐK	-	Trị giá vốn thực tế của hàng nhập kho trong kì	-	Trị giá vốn thực tế của hàng tồn kho CK	-	Trị giá vốn của hàng gửi bán chưa xác định là tiêu thụ CK
--	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--

***Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.***

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.



Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

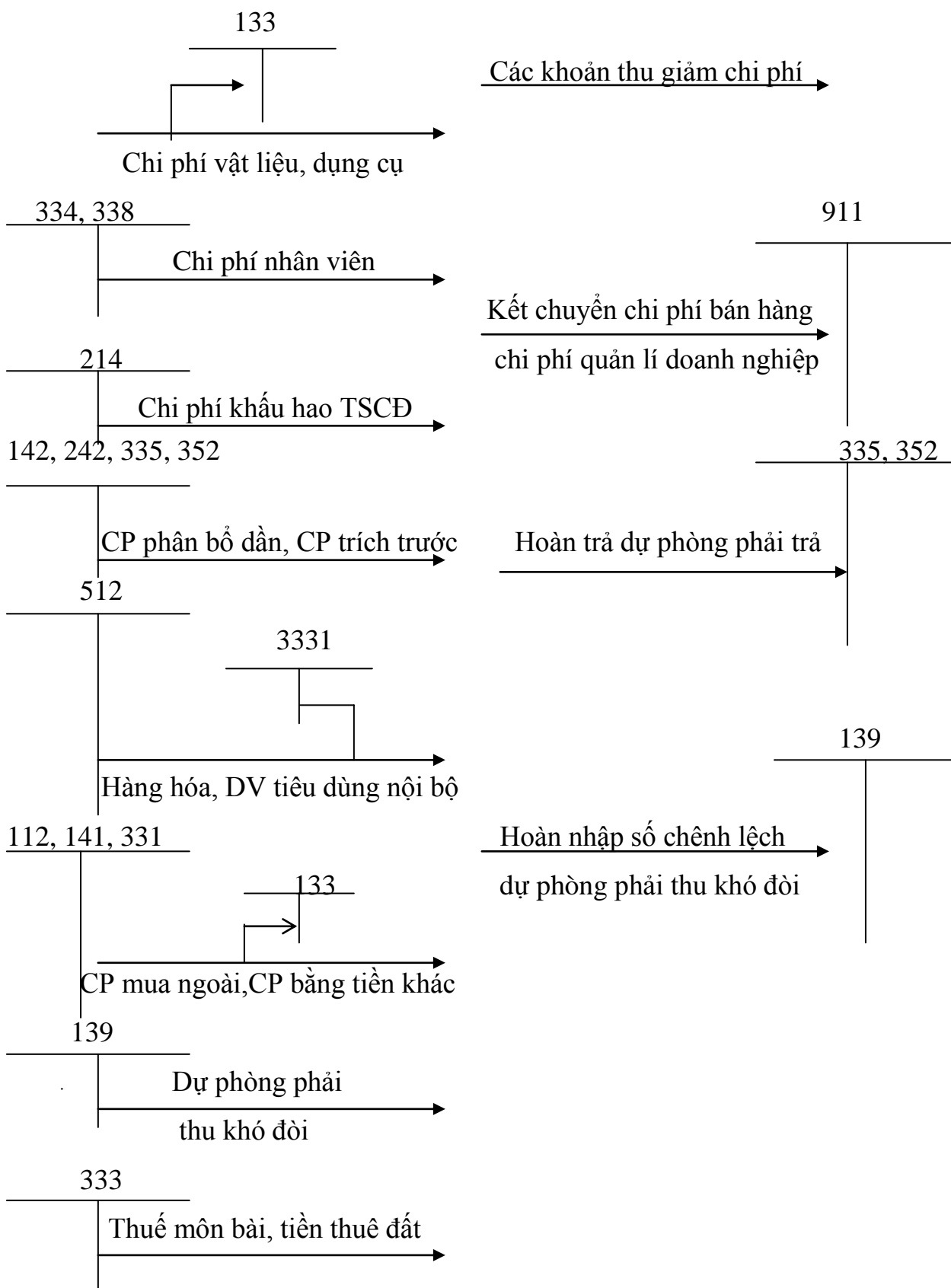
*** Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Để xác định kết quả bán hàng, bên cạnh việc phải tính toán chính xác doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng tiêu thụ, kế toán còn phải tiến hành tập hợp các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ chính xác, kịp thời.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

111,112,152,153	641,642	111,112
<i>Sinh viên: Trần Thị Oanh - Lớp: QT1003K – Trường ĐH DLHP</i>		



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng:

Để xác định kết quả kinh doanh, các chứng từ được sử dụng bao gồm các chứng từ liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như: các phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.
- Tài khoản 635 - Chi phí tài chính.
- Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tài khoản 711 - Thu nhập khác.
- Tài khoản 811 - Chi phí khác.
- Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

*** TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh:** Là kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Bên Nợ	TK 911	Bên Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kì. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

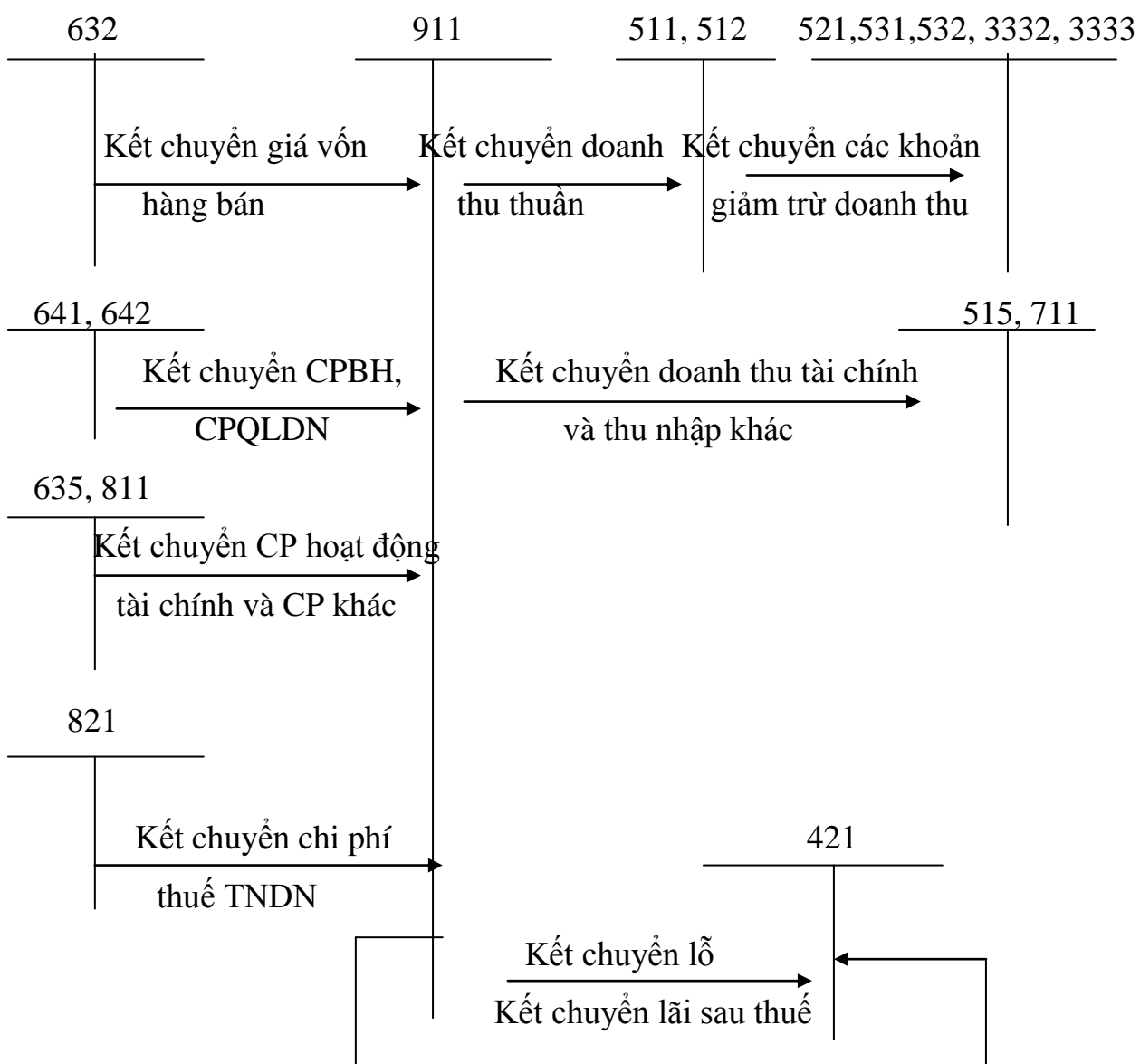
TK 911 không có số dư cuối kỳ.

*** TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:** dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ	TK 421	Bên Có
- Số lỗ về doanh thu của DN; Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên quan; Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ; Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; Số lỗ cấp dưới được cấp trên cấp bù; Xử lý các khoản lỗ về kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
- Số dư Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa được xử lý.		- Số dư Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.2.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3 . Tổ chức hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Sổ kế toán là phương tiện vật chất để thực hiện công tác kế toán hàng ngày định kỳ. Tùy theo loại hình, quy mô và trình độ kế toán của từng doanh nghiệp để áp dụng hình thức sổ kế toán nào cho phù hợp. Có 5 hình thức sổ kế toán là:

- + Nhật ký – Sổ cái.
- + Nhật ký chung.
- + Nhật ký – Chứng từ.
- + Chứng từ ghi sổ.
- + Kế toán trên máy vi tính.

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Để phục vụ cho phần 2 của khóa luận em xin trình bày hình thức Chứng từ ghi sổ để đối chiếu với thực tế tại công ty em thực tập.

Hàng ngày, khi một nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ hoặc Bảng kê chi tiết đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

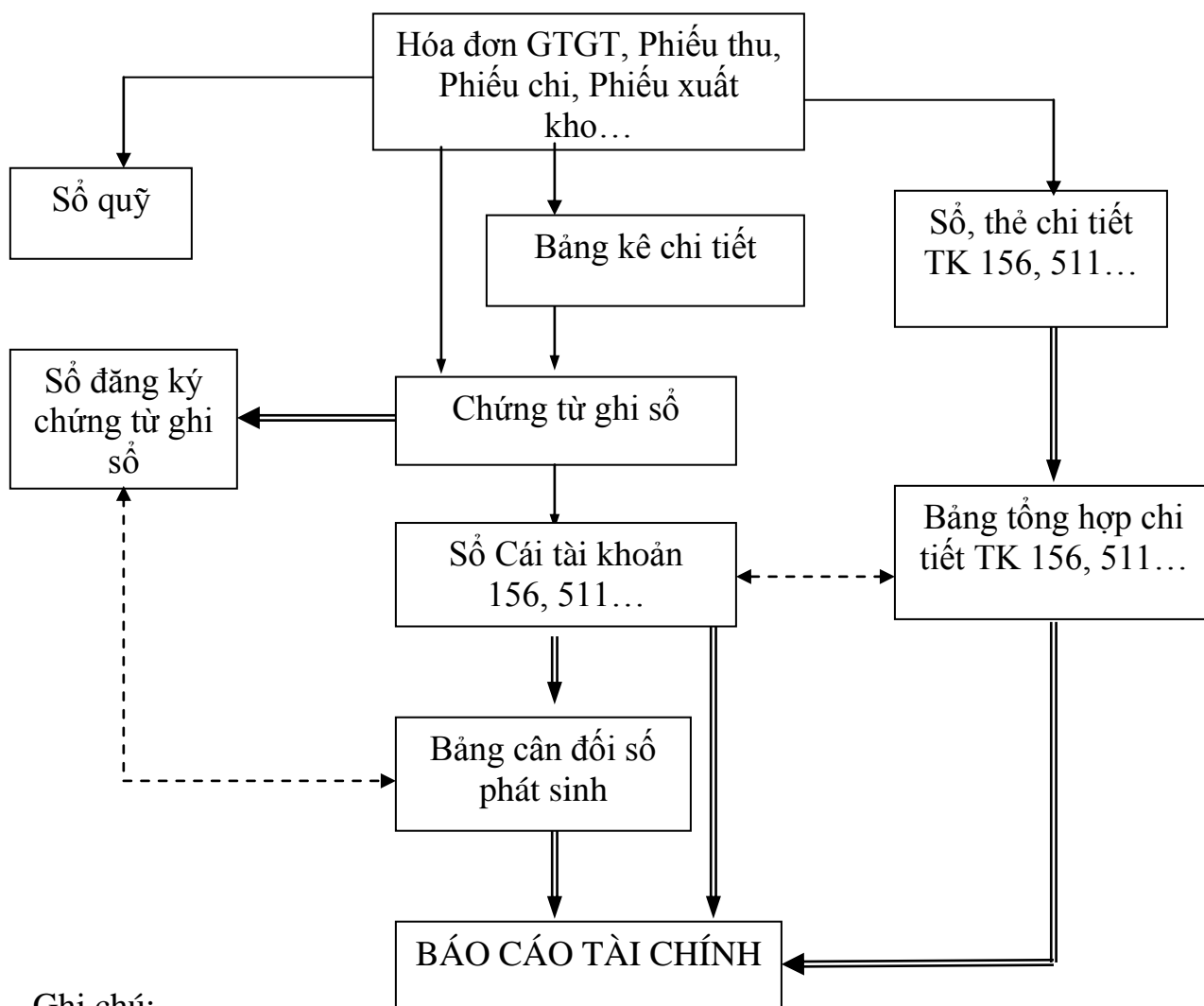
Cuối tháng, kế toán phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Có của các tài khoản

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

trên Bảng CĐSPS phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ luân chuyển chứng từ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT ÚC

2.1 Khát quát chung về Công ty Cổ phần Việt Úc:

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Việt Úc:

Tên: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Tên giao dịch quốc tế: Viet Uc Jointstock Company.

Địa chỉ: Ngõ 02 Bạch Đằng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, HP.

Văn phòng làm việc: Số 18 Trần Hưng Đạo – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3874 469

Fax: 0313.810 925

Điều hành công ty: Ông Lê Xuân Tiến - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD

Mã số thuế: 02 00416005

Giao Dịch tại Ngân Hàng Quốc Tế - Chi nhánh Hồng Bàng.

Công ty được thành lập ngày 27 tháng 02 năm 2001 lấy tên là Công ty Cổ phần Việt Úc.

Công ty cổ phần Việt Úc được Sở Kế Hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp đăng ký kinh doanh số: 0203000046 lần 1 ngày 27 tháng 02 năm 2001 và thay đổi lần thứ 6 ngày 11 tháng 03 năm 2009.

Chức năng nhiệm vụ hành nghề theo giấy đăng ký kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng. Xây dựng và kinh doanh nhà. Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi....

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần Việt Úc.

Ngành nghề kinh doanh:

- Công ty tập trung vào kinh doanh các mặt hàng sau:

+ Kinh doanh các mặt hàng kim khí sắt thép các loại.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

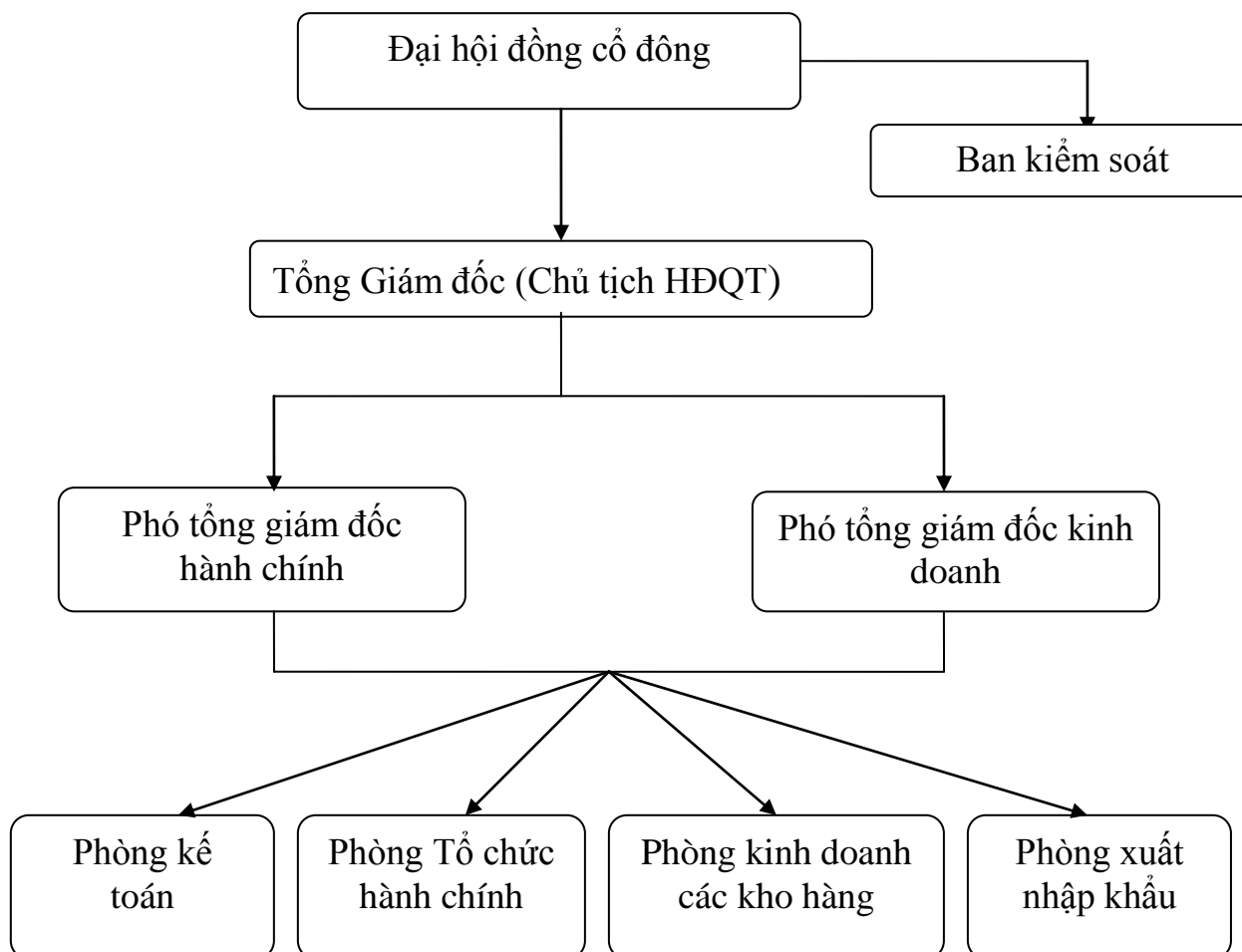
- + Kinh doanh các mặt hàng sắt thép phế liệu các loại.
- + Kinh doanh vật liệu xây dựng, khí đốt, xăng dầu.
- + Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu vui chơi giải trí.
- Xây dựng các công trình dân dụng (nhà cửa), công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng.

- Lĩnh vực hoạt động của công ty ngành mũi nhọn chủ yếu là kinh doanh các sản phẩm sắt thép các loại như thép tấm, thép lá, thép ống, thép xây dựng, thép hình U – I – H – L...các mặt hàng sắt thép trên là ngành công nghiệp nặng có giá trị cao, sản phẩm của công ty chủ yếu cung cấp cho nhà máy đồng tàu, xăng dầu, các công trình xây dựng kết cấu nhà thép.

- Tổ chức khai thác hàng hoá, tập trung tối đa nguồn hàng từ bán buôn đến bán lẻ cho nhu cầu tiêu dùng xã hội, mở rộng các loại hình dịch vụ hơn nữa để đáp ứng nhu cầu và hiệu quả kinh tế cao.

Trong nền kinh tế thị trường sôi động như hiện nay, Công ty Cổ phần Việt Úc đã không ngừng phát triển mở rộng quy mô. Công ty không chỉ hoạt động trong phạm vi nội thành Hải Phòng mà còn vươn ra các huyện lân cận khác như Tiên Lãng, Vĩnh Bảo...và một số tỉnh thành khác như Đà Nẵng, Hồ Chí Minh. Hoạt động của công ty gồm các hình thức bán buôn, bán lẻ. Công ty cũng luôn bảo đảm phương châm hàng hoá phải đến được tay người tiêu dùng một cách tốt nhất và nhanh nhất. Việc phát nguồn bán buôn hàng hoá với khối lượng lớn cũng đồng thời tạo cho doanh nghiệp một lợi thế, khắc phục căn bản tình trạng thiếu vốn kinh doanh, giảm đáng kể lãi vay ngân hàng.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Việt Úc:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Việt Úc

✓ **Hội đồng quản trị.**

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào Hội đồng Quản trị để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong công ty Cổ phần.

- Có toàn quyền nhân danh công ty Cổ phần Việt Úc quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

✓ **Tổng Giám đốc điều hành:**

- Là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

- Là người trực tiếp quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty
- Chỉ đạo mọi hoạt động của công ty theo đúng phương hướng sản xuất kinh doanh theo điều lệ thành lập công ty. Chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước. Trong hệ thống chất lượng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc như sau:

+ Phê duyệt và công bố chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng. Phê duyệt HTQLCL, cung cấp nguồn lực để duy trì HTQLCL hoạt động có hiệu quả.

+ Chủ trì các cuộc họp xem xét của lãnh đạo về hệ thống chất lượng.

+ Phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh từng thời kì.

+ Triển khai việc cung cấp vật tư, nghiên cứu thị trường và bán hàng.

- Thực hiện việc quản lý, đảm bảo và duy trì HTQLCL trong công ty có hiệu quả.

- Đảm bảo thúc đẩy toàn bộ các cán bộ công nhân viên nhận thức được các yêu cầu của khách hàng và quan hệ với bên ngoài về các vấn đề liên quan đến HTQLCL.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành công ty.

✓ **Ban kiểm soát:**

- Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.

- Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).

Hai phó tổng giám đốc: là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về phần việc được phân công phụ trách và giúp giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh.

Phòng kế toán tài vụ: lập, ghi chép và phân loại sắp xếp các chứng từ kế toán, các hợp đồng kinh tế. Chịu trách nhiệm giúp và tham mưu cho giám đốc mọi mặt kết quả kinh doanh của công ty. Theo dõi khả năng tài chính bảo toàn vốn của doanh nghiệp, theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí, tính toán các khoản phải nộp

ngân sách Nhà nước. Tổ chức hệ thống kế toán và phương pháp hạch toán theo chế độ quy định.

Phòng xuất nhập khẩu: có nhiệm vụ lập kế hoạch, mua hàng, nhận đại lý kế hoạch cung cấp cho các cửa hàng trực thuộc, theo dõi sự biến động của giá cả, thông báo kết quả tình hình và tiến độ kế hoạch, nghiên cứu nhu cầu thị trường, xác lập hình thức tổ chức kinh doanh và danh mục mặt hàng, xác lập cơ cấu vĩ mô mặt hàng và dự báo yêu cầu mua dự trữ.

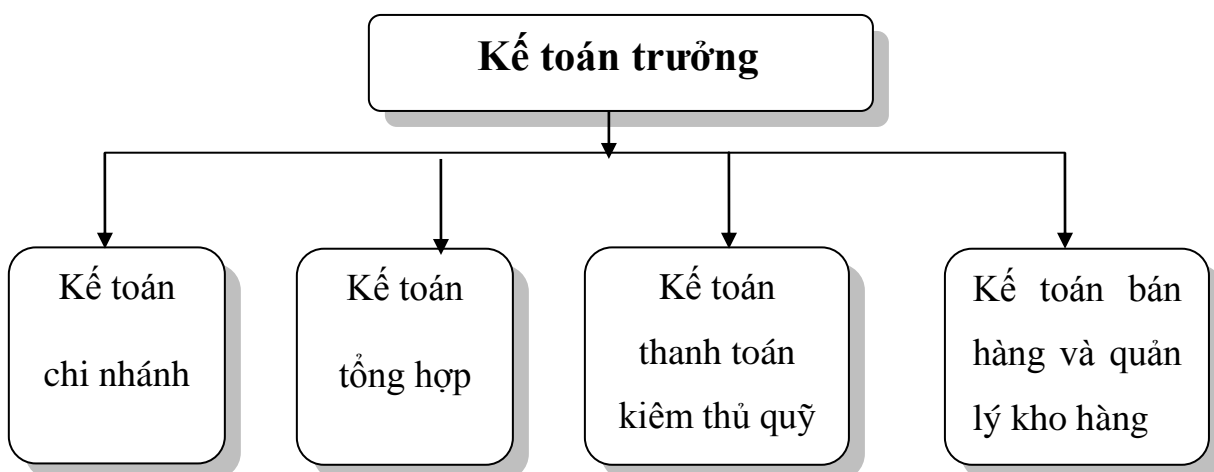
Phòng tổ chức hành chính: quản lý nhân sự, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chế độ BHXH cho cán bộ công nhân viên, bảo vệ toàn bộ vật tư, tài sản, hàng hoá của doanh nghiệp.

Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ chào hàng và bán hàng, mở các cửa hàng và đại lý bán sản phẩm của Công ty trong và ngoài thành phố, ký các hợp đồng mua sản phẩm và bán các sản phẩm với các bạn hàng.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Úc

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Việt Úc.

Công ty cổ phần Việt Úc là một đơn vị hạch toán độc lập. Tuy hoạt động trên địa bàn rộng song mọi hoạt động của công ty đều đặt dưới sự điều hành của ban giám đốc nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty cổ phần Việt Úc

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Việt Úc bao gồm 5 người được phân rõ chức năng và nhiệm vụ như sau:

- **Kế toán trưởng:** là người trực tiếp quản lý và chỉ đạo chung mọi mặt của công tác quản lý tài chính – kế toán, hàng quý có nhiệm vụ lập báo cáo tài chính.

- **Kế toán tổng hợp:** là người giúp kế toán trưởng theo dõi tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- **Kế toán thanh toán kiêm thủ quỹ:** Ngoài công việc thủ quỹ còn phải chịu trách nhiệm về việc theo dõi chi tiết tình hình thanh toán với khách hàng và các nhà cung cấp, nội bộ công ty, tiền vay của công ty tại ngân hàng đồng thời quản lý, lưu trữ, tập hợp các chứng từ liên quan tới việc thanh toán để ghi sổ chi tiết thanh toán, tiền vay, đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch, chủ động lập kế hoạch thu hồi vốn, đối chiếu công nợ với các bên.

- **Kế toán bán hàng và quản lý kho hàng:** Phụ trách mảng cung tiêu hàng hóa của công ty, hàng ngày tập hợp chứng từ, xử lý chứng từ đồng thời có nhiệm vụ kiểm kê hàng hoá, nhập, xuất, tồn cuối tháng lên bảng cân đối hàng tồn kho.

- **Kế toán chi nhánh:** Hàng tháng gửi bảng cân đối kế toán, báo cáo tài chính về công ty để lên bảng tổng hợp và cân đối toàn công ty.

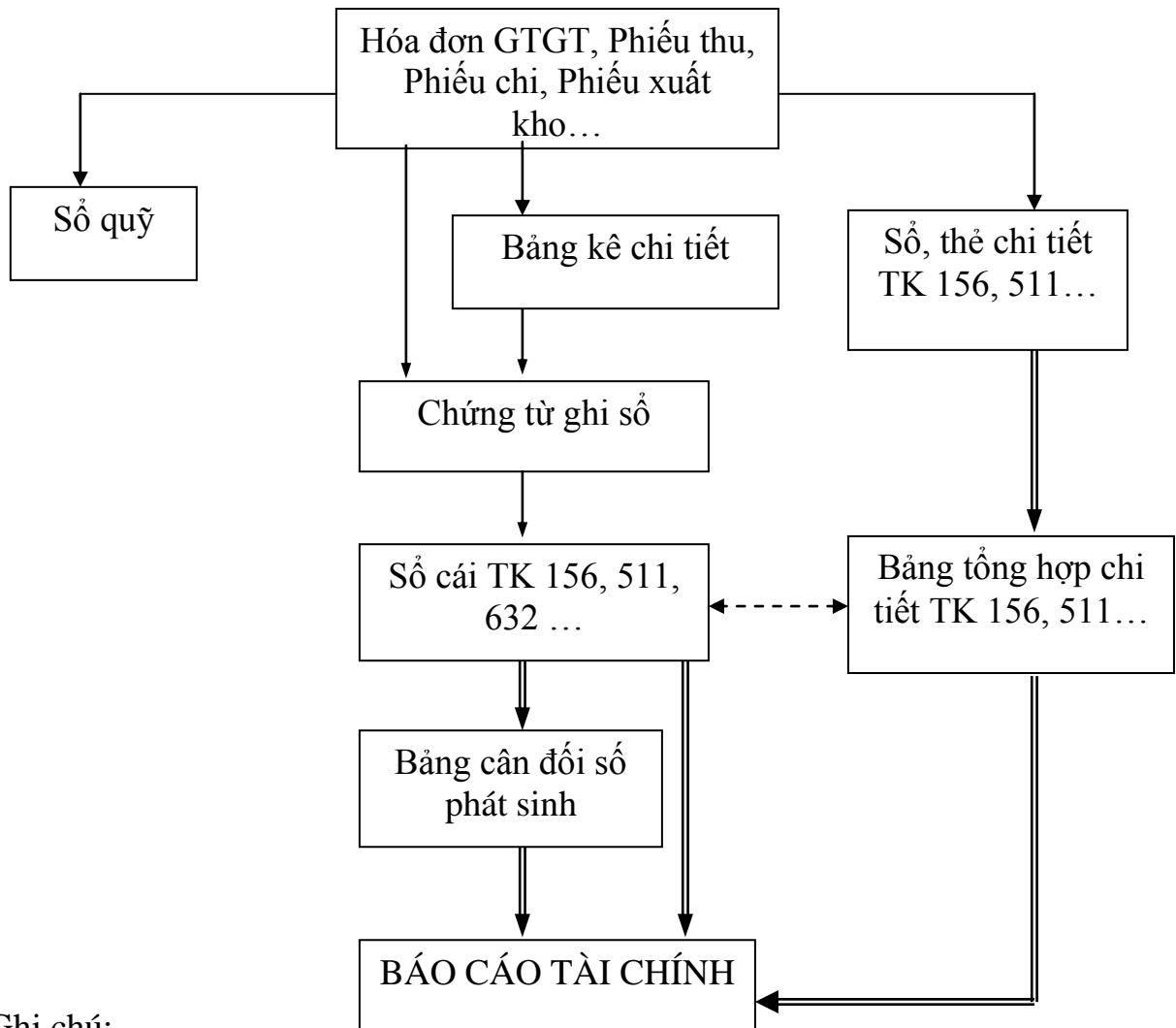
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty cổ phần Việt Úc:

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.5. Tổ chức hình thức kế toán tại công ty Cổ Phần Việt Úc.

2.1.5.1. Hình thức ghi sổ

Dựa vào tình hình thực tế của công ty, bộ máy cán bộ kế toán, để tiến hành công việc kế toán trong công ty đã chọn hình thức kế toán “Chứng Từ ghi sổ”. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tách rời việc ghi sổ kế toán theo trình tự thời gian và hệ thống hóa các nghiệp vụ theo tài khoản.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - - ->

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ theo hình thức Chứng từ ghi sổ tại Công ty Cổ Phần Việt Úc

2.1.5.2. Một số đặc điểm khác.

* Đặc trưng cơ bản của hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

+ Ghi theo nội dung kế toán ghi trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục cho cả năm và có chứng từ gốc kèm theo phải được phụ trách kế toán duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

*** Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ có các loại sổ sách kế toán sau:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Bảng tổng hợp chi tiết
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

*** Trình tự ghi sổ kế toán.**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán lập chứng từ ghi sổ.

- Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ lập Sổ cái các tài khoản.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số dư Nợ và Có của các tài khoản trên Bảng CĐSPS phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Úc:

2.2.1 Kế toán bán hàng.

2.2.1.1 Đặc điểm quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần Việt Úc.

✓ Phương thức bán hàng

Trong hoạt động tiêu thụ hàng hóa ở công ty thì ngoài việc tìm kiếm được khách hàng còn phải chọn được phương thức bán hàng hợp lý. Công ty cổ phần Việt Úc đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là bán buôn và bán lẻ:

Bán buôn: Là hình thức bán chủ yếu ở công ty, nó chiếm tỉ trọng lớn trong khối lượng hàng hóa tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và dịch vụ, chủ yếu ở thị trường Hải Phòng, Ninh Bình...

Bán lẻ: Là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ hàng nhanh hơn. Phương thức này chiếm tỉ trọng không lớn trong khối lượng hàng hóa bán ra. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua các loại vật liệu như sắt thép... nhằm đáp ứng nhu cầu trực tiếp của họ. Bán lẻ thường với số lượng ít và người mua phải thanh toán ngay toàn bộ giá trị hàng hóa vừa mua.

✓ **Phương thức thanh toán**

Về phương thức thanh toán tiền hàng được ghi rõ trong hợp đồng kinh tế hoặc đã được thỏa thuận giữa hai bên về mua bán hàng hóa. Công ty thường áp dụng hai phương thức thanh toán chủ yếu:

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Thanh toán bằng tiền mặt, UNC, séc...
- Phương thức thanh toán chậm trả (mua chịu)

✓ **Phương pháp tính giá hàng xuất kho.**

Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

Để ghi nhận thông tin về tiêu thụ hàng hóa trong công ty cổ phần Việt Úc, kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng..

Sau khi lập xong kế toán ghi ở mục doanh thu bán hàng để tiện theo dõi các khoản phải thu (đối với các trường hợp khách hàng chưa thanh toán) ghi vào sổ

quỹ ở (trường hợp khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt) sau khi lập xong hóa đơn GTGT và Phiếu thu.

Phiếu thu được công ty sử dụng ghi sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng với công ty.

Bộ phận bán hàng viết hóa đơn bán hàng sau đó chuyển cho kế toán trưởng ký duyệt. Nhân viên bán hàng nhận hóa đơn bán hàng đã ký duyệt đưa người mua kí và giao người mua liên 2. Cuối ngày, nhân viên bán hàng chuyển hóa đơn bán hàng cho kế toán tổng hợp. Kế toán ghi sổ chi tiết các tài khoản liên quan và chuyển hóa đơn đến các kế toán liên quan ghi sổ kế toán liên quan.

Tại công ty để tối đa hóa doanh thu thì cần đảm bảo các yêu cầu sau:

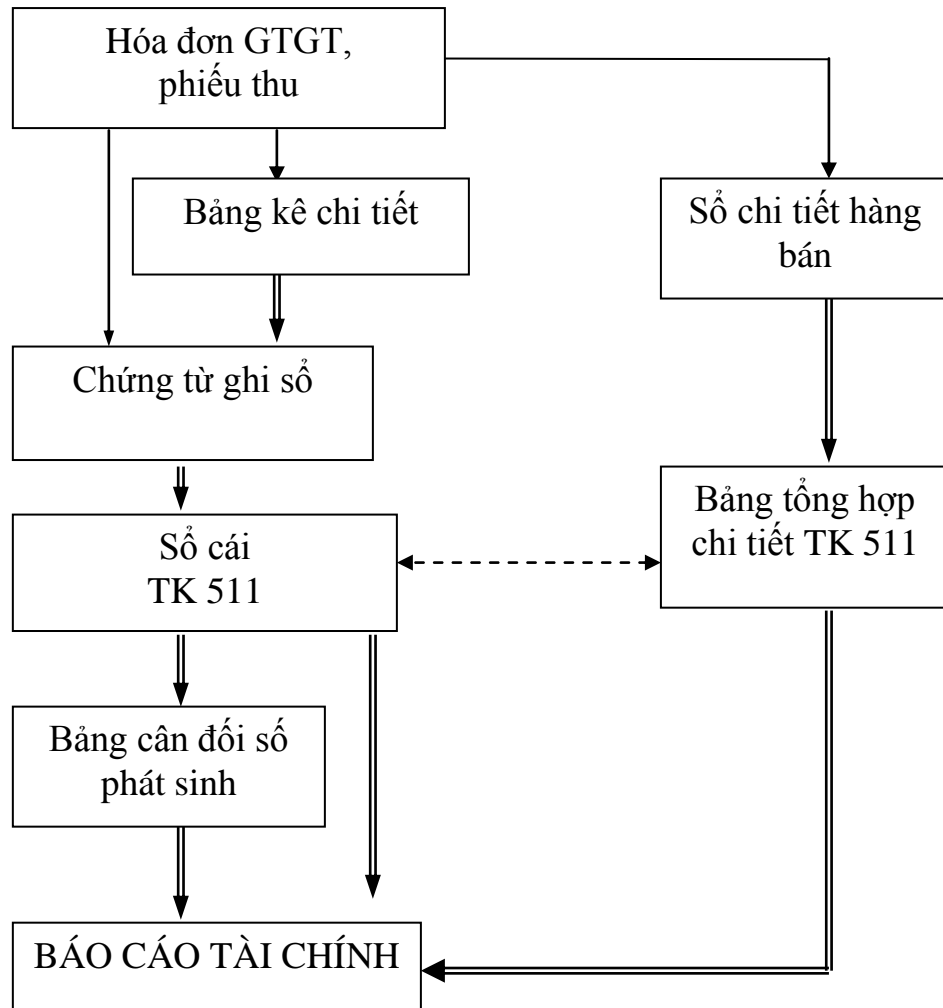
- Về số lượng hàng hóa tiêu thụ phải nắm chính xác số lượng hàng hóa đầu kỳ, nhập trong kỳ, xuất trong kỳ và số lượng hàng hóa cần thiết để có kế hoạch tiêu thụ hợp lý.

- Về giá bán và doanh thu bán hàng, giá bán phải đảm bảo bù đắp chi phí và có lãi đồng thời phải được khách hàng chấp nhận, DN cũng cần kích thích tăng nhu cầu của người tiêu dùng nhằm đẩy mạnh doanh thu bán hàng. Trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng giá bán sau đây để tăng nhanh khối lượng tiêu thụ tránh ứ đọng vốn.

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng.
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa
- TK 131: Phải thu của khách hàng.
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra.
- TK 641: Chi phí bán hàng

*** Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ Phần Việt Úc

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Sau khi viết xong hóa đơn cho khách hàng kế toán tiến hành vào Bảng kê chi tiết, từ Bảng kê chi tiết lập Chứng từ ghi sổ. Sau khi lập xong Chứng từ ghi sổ kế toán sẽ lấy làm căn cứ ghi Sổ chi tiết bán hàng và sổ tổng hợp bán hàng.

Sổ chi tiết dùng để mở cho từng loại sản phẩm hàng hóa đã bán hoặc đã cung cấp cho khách hàng thanh toán tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán.

Sổ chi tiết bán hàng được mở theo từng tháng dùng để theo dõi cho tình hình xuất bán cho từng đối tượng, từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu giá trị và đồng thời phản ánh luôn phương thức thanh toán.

Ví dụ

Ngày 5 tháng 12 năm 2009 Công ty xuất bán cho Công ty TNHH cơ khí Hải Nam. Hóa đơn GTGT số 0025776 số tiền 87 959 228 đồng. Thuế VAT 5% thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán viết hóa đơn GTGT giao liên 2 khách hàng, liên 3 dùng để hạch toán.

Kế toán vào sổ sách liên quan.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NV/ 2009B			
Liên 2: (Giao khách hàng)		0025776			
Ngày 05 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Việt Úc					
Địa chỉ: Núi đèo – Thủy Nguyên - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại.....MST: 0200416005					
Họ và tên người mua hàng: Chị Thanh					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Cơ khí Hải Nam					
Địa chỉ: Do Nha – Tân Tiến – An Dương – Ninh Bình					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM			MST: 0200468268		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép tấm (6ly x 1500 x 6000)	kg	10 597,5	7 904, 76	83 770 694
Cộng tiền hàng:					83 770 694
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:.....		4 188 534	
Tổng cộng tiền thanh toán					87 959 228
Số tiền viết bằng chữ: Tám bảy triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn hai trăm hai mươi tám đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Mẫu biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 0025776

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP

Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 2

Số: 279

Nợ: 111

Có: 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền: Chị Thanh

Địa chỉ: Công ty TNHH cơ khí Hải Nam

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 87 959 228 đ

Viết bằng chữ: Tám mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn hai trăm hai mươi tám đồng./.

Kèm theo: 01.....chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng	KT trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đã quý):

+ Số tiền quy đổi:

Mẫu biểu số 2.2: Phiếu thu

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Loại hàng hóa: Thép tấm các loại

Đơn vị tính: Kg

CT		Diễn giải	TK	Doanh thu			Thuế	Các khoản giảm trừ doanh thu
SH	NT		ĐƯ	SL	ĐG	TT		
		Tháng 12						
25774	2/12	Công ty TNHH Bình Minh	131	5 702,85	7 904, 76	45 079 661	2 253 983	
25776	5/12	CT TNHH cơ khí Hải Nam	111	10 597,5	7 904, 76	83 770 694	4 188 534	
25778	10/12	Xí nghiệp DV sửa chữa thủy	131	17 458	7 904, 76	138 001 300	6 900 065	
25782	20/12	CT TNHH Hà bình	111	6 823,5	7 904, 76	53 938 130	2 696 906	
							
		Cộng tháng 12/2009		43 837,94		346 528 395	17 326 420	

Mẫu biểu số 2.3: Sổ chi tiết bán hàng tháng 12/2009

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Tháng 12/2009

STT	Diễn giải	Doanh thu		Thuế	Các khoản giảm trừ
		Số lượng	Thành tiền		
	Tháng 12/2009				
1	Thép lá mạ	1 025	7 835 059	391 753	
2	Thép tấm các loại	43 837,94	346 528 395	17 326 420	
3	Thép tròn	353,10	1 989 154	99 458	
4	Thép hình 2	2 779,4	24 124 553	1 206 228	
5	Thép ống hộp	2 733	22 614 946	1 130 747	
6	Thép hình 1	1 973,4	20 613 071	1 030 654	
7	Thép ống mạ	218.35	2 511 848	125 592	
				
	Cộng tháng 12	98 386,25	4 125 719 342	206 285 976	

Mẫu biểu số 2.4: Sổ tổng hợp bán hàng tháng 12/2009

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên – HP

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2009

Ghi Nợ tài khoản 111

Đơn vị tính: đồng

NT	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi Có các tài khoản			
				131	511	3 331
						
4/12	PT 276	Cty TNHH Tám Nhiên trả tiền	22 206 454	22 206 454			
5/12	PT 278	Cty Vận Tải Biển III trả tiền hàng	24 124 553	24 124 553			
5/12	PT 279	Bán thép cho Cty TNHH cơ khí Hải Nam	87 959 228		83 770 694	4 188 534	
6/12	PT 280	Bán thép công ty TNHH Hà Bình	364 552 633		347 192 984	17 359 649	
		Cộng	2 936 211 900	285 987 000	994 375 000	49 178 750	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Mẫu 2.5: Bảng kê chi tiết Nợ 111
Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số SO2DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 192

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Khách hàng trả nợ	111	131	285 987 000	
Rút tiền NH nhập quỹ	111	112	25 000 000	
Doanh thu bán hàng	111	511	994 375 000	
Thuế GTGT	111	3331	49 178 750	
.....				
Cộng			2 936 211 900	

Kèm theo ... chứng từ gốc

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Mẫu biểu số 2.6: Chứng từ ghi sổ

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	PS nợ	PS có
SH	NT				
		<u>Dư nợ đầu năm</u>			
192	31/12	Doanh thu bán hàng bằng TM	111		994 375 000
194	31/12	Doanh thu bán hàng bằng TGNH	112		2 405 688 465
199	31/12	Doanh thu bán chịu	131		725 655 877
204	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	4 125 719 342	
		Tổng PS tháng 12		4 125 719 342	4 125 719 342
		<u>Dư nợ cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.7: Sổ cái TK 511

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

*** Kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán trong kỳ, đây là toàn bộ giá thành cấu thành lên sản phẩm hàng hóa và là biểu hiện về mặt giá trị của hàng hóa.

Nguyên tắc trong kế toán phải đánh giá theo đúng giá trị thực tế của hàng hóa tức là phản ánh đầy đủ các chi phí thực tế phát sinh mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có số hàng hóa đó.

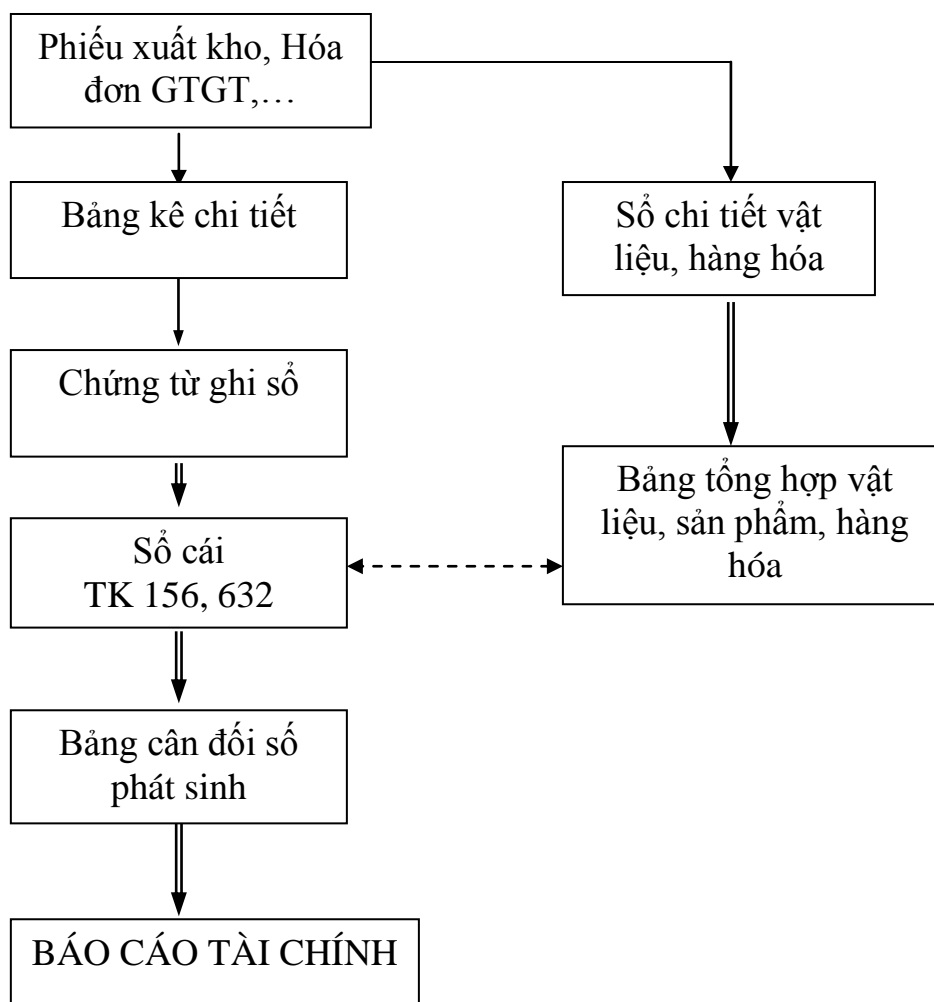
Vì doanh nghiệp là thương mại không phải doanh nghiệp sản xuất nên không có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Tài khoản và chứng từ kế toán sử dụng:

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
 - + Tài khoản 1561: Giá mua của hàng hoá
 - + Tài khoản 1562: Chi phí thu mua hàng hoá
- Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng
 - + Chứng từ gốc: hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho
 - + Sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hóa.
 - + Bảng tổng hợp vật liệu, sản phẩm, hàng hoá.
 - + Bảng tổng hợp giá vốn.
 - + Chứng từ ghi sổ
 - + Sổ cái TK 632

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Việt Úc

Ví dụ 2.4: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0025776 ở ví dụ phần doanh thu bán hàng phát sinh ngày 05/12/2009 và phiếu xuất số 385 kế toán lập các sổ sách: Sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa (Biểu 10), Bảng tổng hợp công cụ sản phẩm hàng hóa (Biểu 11), Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu 12), Chứng từ ghi sổ (Biểu 13), Sổ cái TK 156 (Biểu 14), Sổ cái TK 632 (Biểu 15).

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Mẫu số C21-HĐ

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Quyển số: 3

Số: 385

Tk nợ: 632

Tk có: 156

Họ tên người mua hàng: Chị Thanh

Địa chỉ: Công ty TNHH cơ khí Hải Nam

Lý do xuất kho: Xuất bán

Địa điểm: Kho hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Y/c	TX		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bán thép tấm		kg		10 597,5	7 750,99	82 141 116
	Tổng tiền		x	x	x	x	82 141 116

Số tiền: Tám mươi hai triệu, một trăm bốn một nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng.

Xuất, ngày. 5 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mẫu biểu số 2.8: Phiếu xuất kho

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

THẺ KHO

Từ ngày 01/ 12/2009 đến ngày 31/12/2009

Tên vật liệu: Thép tấm các loại

Đơn vị tính: Kg

Ngày	Số PN	Số PX	Diễn giải	SL nhập	SL xuất	Tồn kho
			Tồn đầu kỳ			48 819,94
2/12		383	Công ty TNHH Bình Minh		5 702,85	43 117,09
5/12		385	CT TNHH cơ khí Hải Nam		10 597,5	32 537,59
8/12	576		Công ty CP thép Miền Bắc	6 823,5		39 361,09
10/12		387	Xí nghiệp DV sửa chữa thủy		17 458	21 903,09
20/12		389	CT TNHH Hà bình		10 079,59	11 823,5
			Cộng tháng 12	6 823,5	43 837,94	
			Tồn cuối kỳ			11 823,5

Mẫu biểu 2.9: Thẻ kho

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Mẫu số S10-DN

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2009

Tài khoản: hàng hóa

Kho hàng hóa

Tên quy cách sản phẩm, hàng hóa: Thép tấm các loại

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Số dư đầu tháng							48 819,94	378 402 837
PX283	2/12	Bán thép tấm	632	7 750,99			5 702,85	44 202 733	43 117,09	334 200 104
PX385	5/12	Bán thép tấm	632	7 750,99			10 579,5	82 141 116	32 537,59	252 058 988
PN576	8/12	Nhập thép	111	7 551,09	6823,5	51 524 863			39 361,09	303 583 851
PX387	10/12	Bán thép tấm	632	7 750,99			17 458	135 316 783	21 903,09	167 267 068
									
		Cộng			6823,5	51 524 863	43 837,94	339 787 433		
		Số dư cuối tháng							11 823,5	90 140 267

Mẫu 2.10: Sổ chi tiết, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tháng 12/2009

ST T	Tên hàng	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	TT	Số lượng	TT	Số lượng	TT	Số lượng	TT
2	Thép lá mạ	1 977,96	14 815 296	370	3 034 000	1 025	7 792 091	1 322,96	10 057 205
3	Thép tấm các loại	48 819,94	378 402 837	6 823,5	51 524 863	43 837,94	339 787 433	11 823,5	90 140 267
4	Thép lá các loại	2 699,5	16 896 316					2 699,5	16 896 316
5	Thép tròn	353,10	1 934 866			353,10	1 934 866	0	0
6	Thép hình 1	1 973,4	20 309 629			1 973,4	20 309 629	0	0
7	Thép hình 2	10 647,77	90 782 941			2 779,40	23 697 164	7 868,37	67 085 763
8	Thép hình, cây CL	8 014,00	33 615 194					8 014,00	33 615 194
9	Thép chế tạo	1 075	12 971 738					1 075	12 971 738
10	Thép ống hộp	5 733	46 557 693			2 733	22 194 693	3 000	24 363 000
11	Thép ống áp lực	5,00	75 229					5,00	75 229
12	Thép ống mạ	218,35	2 478 273			218,35	2 478 273	0	0
								
	Cộng	108 782.33	4 837 248 709	37 193,5	1 294 114 929	98 386,25	3 758 163 658	47 589,58	2 373 199 980

Mẫu biểu 2.11: Bảng tổng hợp vật liệu, sản phẩm, hàng hoá

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12/2009

Đơn vị tính: Kg

STT	Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép lá mạ	1 025	7 602.04	7 792 091
2	Thép tấm	43 837,94	7 750.99	339 787 433
3	Thép tròn	353,10	5 479.65	1 934 866
4	Thép hình 1	1 973,4	10 291.69	20 309 629
5	Thép hình 2	2 779,40	8 526	23 697 164
6	Thép ống hộp	2 733	8 121	22 194 693
7	Thép ống mạ	218,35	11 350	2 478 273
			
	Cộng	98 386,25		3 758 163 658

Mẫu biểu 2.12: Bảng tổng hợp giá vốn

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 198

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....				
Xác định giá vốn thép tấm	632	156	339 787 433	
Giá vốn thép hình	632	156	23 697 164	
Giá vốn thép lá mạ	632	156	7 792 091	
Cộng			3 758 163 658	

Mẫu biểu 2.13: Chứng từ ghi sổ

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm 2009

Tài khoản 156 – Hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		42 521 144 982	
			- Số phát sinh:			
					
31/12	193	31/12	Mua xăng A92 của cty CPTM Gia Trang trả bằng TM	111	224 178 000	
31/12	198	31/12	Giá vốn hàng hóa xuất kho	632		3 758 163 658
			Cộng SPS tháng 12		1 456 708 000	3 758 163 658
			Số dư cuối tháng 12		32 086 105 207	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.14: Sổ Cái TK 156

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm:			
			- Số phát sinh:			
31/12	198	31/12	Giá vốn hàng hóa xuất kho	156	3 758 163 658	
31/12	204	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		3 758 163 658
			Cộng SPS tháng 12		3 758 163 658	3 758 163 658
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.15: Sổ Cái TK 632

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009)

*** Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

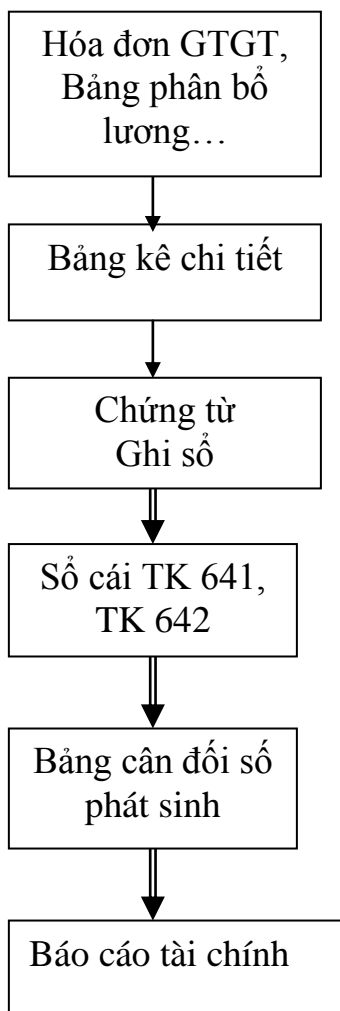
Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng phân bổ khấu hao thuộc bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản kế toán sử dụng:

- ***Tài khoản 641:*** Chi phí bán hàng gồm: Lương nhân viên bán hàng, Khấu hao thuộc bộ phận bán hàng, Các khoản chi khác: tiền điện, nước... thuộc bộ phận bán hàng.

- ***Tài khoản 642:*** Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: Lương nhân viên quản lý doanh nghiệp, Khấu hao thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp, Các khoản chi khác: tiền điện, nước... thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp.



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hạch toán kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Ví dụ: Dựa vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH kế toán xác định lương và các khoản trích theo lương vào chi phí cho cán bộ nhân viên thuộc bộ phận bán hàng, nhân viên thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp, kế toán lập:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái tài khoản 641. 642.

***Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.***

Công ty cổ phần Việt Úc
Núi Đèo – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số 11 - LĐTL
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2009

STT	Đối tượng sử dụng (ghi nợ các tài khoản)	Ghi có các TK						Cộng có TK 338 (3382, 3383, 3384)	TK 335 chi phí phải trả	Tổng phát sinh
		TK 334 - Phải trả người lao động			TK 338 - Phải trả, phải nộp khác					
		Lương	Khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ	BHXH	BHYT			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	TK 641 – CP BH	18 524 460		18 524 460	370 489	2 778 669	370 489	3 519 647		
2	TK 642 – CP QLDN	13 700 000		13 700 000	274 000	2 055 000	274 000	2 603 000		
	Cộng	32 224 460		32 224 460	644 489	4 833 669	644 489	6 122 647		

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Mẫu biểu 2.15: Bảng phân bổ lương và BHXH tháng 12

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số SO2-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 201

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....				
Lương trả nhân viên bán hàng	641	334	18 524 460	
Lương trả bộ phận QLDN	642	334	13 700 000	
Cộng			72 618 731	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.16: Chứng từ ghi sổ
Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

**Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.**

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số SO2-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 202

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....				
Trích các khoản theo lương BH	641	338	3 519 647	
Trích các khoản theo lương bộ phận QLDN	642	338	2 603 000	
Tính vào lương	334	338	1 933 468	
Cộng			94 120 149	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.17: Chứng từ ghi sổ
Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	PS nợ	PS có
SH	NT				
		<u>Dư nợ đầu năm</u>			
				
31/12	193	Chi phí bằng TM	111	1 560 809	
31/12	195	Chi phí bằng TGNH	112	1 640 890	
31/12	200	Trích KHTSCĐ bộ phận BH	214	971 250	
31/12	201	Trả lương cho NVBH	334	18 524 460	
31/12	202	Các khoản trích theo lương	338	3 519 647	
31/12	205	Kết chuyển chi phí tháng 12	911		25 107 786
		Tổng SPS tháng 12		25 107 786	25 107 786
		<u>Dư nợ cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.18: Sổ Cái TK 641

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	PS nợ	PS có
SH	NT				
		<u>Dư nợ đầu năm</u>			
				
31/12	193	Chi phí khác bằng TM	111	2 460 780	
31/12	195	Chi phí bằng TGNH	112	1 426 000	
31/12	200	Trích KHTSCĐ bộ phận QLDN	214	1 102 250	
31/12	201	Trả lương cho NVQLDN	334	13 700 000	
31/12	202	Các khoản trích theo lương	338	2 603 000	
31/12	205	Kết chuyển chi phí tháng 12	911		20 126 340
		Tổng SPS tháng 12		20 126 340	20 126 340
		<u>Dư nợ cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu 2.19: Sổ Cái TK 642

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

2.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.2.1 Đặc điểm của quá trình xác định kết quả kinh doanh.

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại cho nên việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty được thực hiện vào cuối mỗi tháng và do kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm. Căn cứ vào các chứng từ, sổ sách do các kế toán bộ phận doanh thu và chi phí đưa lên, kế toán tổng hợp phân tích chỉ tiêu và lập báo cáo.

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán tổng hợp số liệu và thực hiện các bút toán kết chuyển.

Cuối mỗi tháng kế toán tổng hợp số liệu vào sổ cái TK 911.

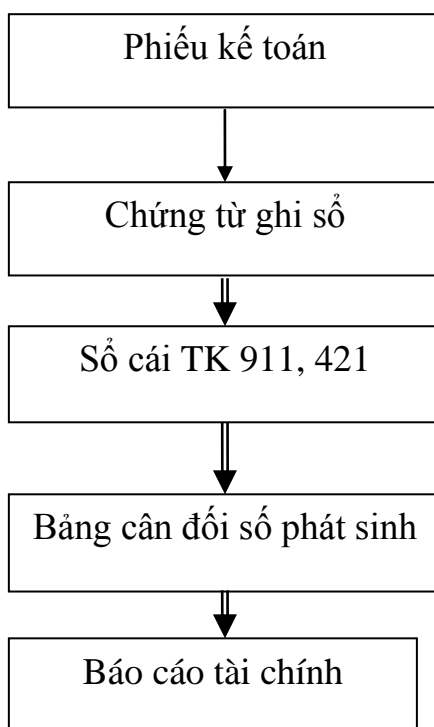
Báo cáo tài chính được lập mỗi quý và cuối năm sẽ tổng hợp số liệu cả năm để lập báo cáo tài chính của năm.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

Các chứng từ liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh gồm: các phiếu kế toán và các chứng từ liên quan khác.

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

Một số tài khoản sử dụng để xác định kết quả kinh doanh bao gồm một số tài khoản xác định doanh thu (TK 511, 515), chi phí (TK 632, 641, 642, 635...) và thu nhập khác của doanh nghiệp (TK 711).



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ luân chuyển chứng từ xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc

Ví dụ: Xác định kết quả kinh doanh của Công ty tại tháng 12/2009. Để xác định được kết quả kinh doanh kế toán tiến hành tổng hợp số liệu và tiến hành các bút toán kết chuyển.

- Lập phiếu kế toán để thực hiện các bút toán kết chuyển Doanh thu (TK511, 515, 711), kết chuyển chi phí (TK 632, 641, 635,811)
- Chứng từ ghi sổ 911
- Sổ cái TK 911, 421

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 9/T12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	4 125 719 342
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	41 890 000
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	36 705 515
	Cộng			4 204 314 857

Mẫu biểu số 2.20: Phiếu kế toán

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 10/T12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	3 758 163 658
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	231 240 000
3	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	25 107 786
4	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	20 126 340
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	3 524 891
	Cộng			4 038 162 675

Mẫu biểu số 2.21: Phiếu kế toán

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 11/T12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập DN	911	821	41 538 046
	Cộng			41 538 046

Mẫu biểu số 2.22: Phiếu kế toán

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 12/T12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	124 614 136
	Cộng			124 614 136

Mẫu biểu số 2.23: Phiếu kế toán

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc

Mẫu số SO2-DN

Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 205

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	4 125 719 342	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	515	911	41 890 000	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	36 705 515	
Cộng			4 204 314 857	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu số 2.24: Chứng từ ghi sổ

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty cổ phần Việt Úc

Mẫu số SO2-DN

Địa chỉ: Thủy Nguyên – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 206

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn	911	632	3 758 163 658	
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	231 240 000	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	25 107 786	
Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	20 126 340	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	3 524 891	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	41 538 046	
Kết chuyển lãi	911	421	124 614 136	
Cộng			4 204 314 857	

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu số 2.25: Chứng từ ghi sổ

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/200

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
			- Số phát sinh:			
31/12	205	31/12	Kết chuyển doanh thu BH	511		4 125 719 342
31/12	205	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	515		41 890 000
31/12	205	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		36 705 515
31/12	206	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	3 758 163 658	
31/12	206	31/12	Kết chuyển chi phí TC	635	231 240 000	
31/12	206	31/12	Kết chuyển chi phí BH	641	25 107 786	
31/12	206	31/12	Kết chuyển CP QLDN	642	20 126 340	
31/12	206	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	3 524 891	
31/12	206	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	41 538 046	
31/12	206	31/12	Kết chuyển lãi	421	124 614 136	
			Cộng SPS T12		4 204 314 857	4 204 314 857
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Mẫu biểu số 2.26: Sổ Cái TK 911

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên - HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	CT		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 12</u>			<u>782 408 685</u>
			- Số phát sinh:			
31/12	206	31/12	Kết chuyển lãi	911		124 614 136
31/12	207	31/12	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả HĐKD	431	8 000 000	
31/12	207	31/12	Bổ sung NVKD từ lợi nhuận HĐKD	411	12 360 000	
			Cộng SPS T12		20 360 000	124 614 139
			<u>Số dư cuối tháng 12</u>			<u>886 662 821</u>

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Mẫu biểu số 2.27: Sổ Cái TK421

Nguồn số liệu: Phòng kế toán – tháng 12/2009

2.2.3. Báo cáo liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc

Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	266 381 072 960	253 051 218 690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. (10=01-02)	10		266 381 072 960	253 051 218 690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	242 216 132 860	225 643 127 240
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ. (20=10-11)	20		24 164 940 100	27 408 019 450
6. Doanh thu hoạt động tài chính.	21	VI.26	220 499 692	23 231 707
7. Chi phí tài chính.	22	VI.28	10 363 019 533	1 630 038 426
- Trong đó: Chi phí lãi vay.	23		4 517 199 741	1 458 799 938
8. Chi phí bán hàng	24		4 311 946 791	3 000 000 000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp.	25		3 345 120 560	2 219 024 502
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6 365 352 911	20 582 188 233
11. Thu nhập khác.	31		662 299 524	686 363 636
12. Chi phí khác.	32		428 876 832	736 025 547
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		233 422 692	(49 661 911)
14. Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6 598 775 603	20 532 526 322
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1 649 693 901	5 749 107 370
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		4 949 081 702	14 783 418 952
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, Ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT ÚC.

3.1. Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ Phần Việt Úc.

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Việt Úc được tìm hiểu về công tác kế toán nói chung, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em xin có một vài nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty Cổ Phần Việt Úc như sau:

- Cơ cấu tổ chức quản lý hành chính của công ty Cổ Phần Việt Úc gọn nhẹ, hợp lý, các phòng ban được quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể phân chia công việc rõ ràng.

- Bộ máy kế toán được bố trí khoa học phù hợp với tổ chức của công ty và chuyên môn của mỗi người.

- Phòng kế toán của công ty được trang bị hệ thống máy vi tính tương đối hiện đại.

Bên cạnh đó, việc tổ chức hạch toán công tác kế toán đã đáp ứng được những yêu cầu của công ty đề ra, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa các bộ phận.

- Sổ sách kế toán được lập một cách có hệ thống, phản ánh một cách trung thực hợp lý rõ ràng và dễ hiểu.

- Công ty áp dụng bộ sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ và phương pháp kê khai thường xuyên.

- Hệ thống chứng từ kế toán: sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với nhu cầu kinh tế và tính pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ,

chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra đối chiếu khi cần thiết. Quy trình luân chuyển chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hệ thống TK sử dụng trong hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Công ty áp dụng hàng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là hoàn toàn phù hợp với với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của công ty. Mặt khác kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên theo dõi được thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, giúp cho công ty quản lý hàng hóa dễ dàng hơn, chính xác hơn và có kế hoạch cung cấp hàng hóa hợp lý, đảm bảo cho quá trình kinh doanh không bị gián đoạn đồng thời cũng không ứ đọng hàng hóa trong kho.

- Quy trình hạch toán các nghiệp vụ: Các nghiệp vụ phát sinh trong Công ty tương đối đơn giản, phổ biến. Do vậy quy trình hạch toán các nghiệp vụ phù hợp với nhưng quy định của Chế độ kế toán vừa và nhỏ.

3.1.1. Ưu điểm.

Hoạt động trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường lãnh đạo công ty đã đưa ra nhiều biện pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn của nền kinh tế thị trường. Nhận thức đúng đắn quy luật kinh tế thị trường từ đó vận dụng sáng tạo áp dụng vào thực tế. Cho nên trong công tác quản lý doanh nghiệp vai trò của kế toán nói chung và của kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đã được doanh nghiệp rất quan tâm. Trong công tác quản lý và hạch toán kinh tế nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố, hoàn thiện thực sự trở thành công cụ đắc lực trong công tác quản lý và hạch toán của công ty, công ty đã xây dựng bộ máy cán bộ quản lý, lựa chọn những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao.

Hiện nay trong điều kiện đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của hạch toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, công ty đã xây dựng

được một mô hình gọn nhẹ là bộ máy kế toán năng động và gắn chặt với quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, đó là điều kiện để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, thực hiện tái sản xuất mở rộng và cải thiện đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên. Bộ máy của công ty cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán phản ánh.

Về phương thức thanh toán: Do hoạt động của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng của nhân dân với 2 hình thức bán lẻ và bán buôn hàng hoá, hàng hoá lại vô cùng đa dạng và phong phú. Như vậy ngoài việc thanh toán bằng tiền mặt thì hình thức thanh toán bằng chuyển khoản cũng đem lại rất nhiều thuận lợi hữu ích và phổ biến hơn trong xu thế phát triển hiện nay.

Việc mở sổ kế toán và ghi chép luôn luôn cung cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin đầy đủ kịp thời chính xác cho nhà quản lý, đồng thời có thể giảm bớt những công việc trùng lặp giữa các bộ phận có liên quan. Với sự cố gắng của mình kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh luôn học hỏi và hoàn thành tốt công việc được giao.

3.1.2 Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Cụ thể:

* **Chưa sử dụng phần mềm kế toán:** Hạch toán kế toán ở công ty chủ yếu là ghi chép hàng ngày bằng tay. Hệ thống máy tính ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng hiệu quả để phục vụ cho công việc kế toán mà chủ yếu là phục vụ cho công việc văn phòng thông thường. Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm kế toán để hỗ trợ cho công việc hạch toán kế toán.

- Dẫn đến: + Việc hạch toán mất nhiều thời gian
+ Dễ dẫn đến sai lệch, nhầm lẫn về số liệu.

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

* Do quy mô sản xuất kinh doanh của công ty còn nhỏ, số lượng hàng bán chưa lớn nên Công ty còn rất hạn chế trong việc mở sổ chi tiết theo các tài sản gây trở ngại cho việc theo dõi các đối tượng hàng hoá tại công ty. **Cụ thể là sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

* Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ nhưng không lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, điều này gây khó khăn cho việc kiểm tra đối chiếu với số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh.

* Công ty vẫn chưa áp dụng một số biện pháp khuyến mại như:

- Chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với khối lượng lớn, thanh toán tiền nhanh. Dẫn đến:

+ Mất dần những khách hàng lớn vì trên thị trường có rất nhiều công ty đang áp dụng các biện pháp này nhằm thu hút khách hàng.

+ Không có các chính sách khuyến mãi khách hàng sẽ chậm thanh toán làm cho dòng vốn không được quay vòng nhanh.

- Giảm giá hàng bán: Giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công Cổ Phần Việt Úc.

3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện

3.2.1.1 Yêu cầu

Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới, để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu thông tin về doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực khách quan, để hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với cơ quan chức năng: Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với Ngân hàng giúp cho việc tính lãi, tiền vay, tiền gửi và thu hồi vốn và lãi. Quan trọng là đối với ban lãnh đạo doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho từng kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch, và công khai..., đây là điều đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực khả thi.

3.2.1.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện.

Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Việt Úc dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại

hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kinh tế trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu thông tin phải nhanh chóng kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện xong phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.2 Một số biện pháp.

Trên cơ sở về những lý luận đã học cộng với thực tế tìm hiểu về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, với công tác kế toán ngày càng được củng cố, hoàn thiện và khắc phục những hạn chế, em xin đề xuất một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán này:

- **Ý kiến 1: Tìm hiểu và ứng dụng phần mềm kế toán**

Để góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian của nhân viên kế toán, giải quyết cho kế toán khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu nhàm chán, để họ dành nhiều thời gian cho công tác nghiên cứu, sáng tạo chuyên môn của mình, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy. Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Điều đó giúp giảm bớt cho kế toán viên trong công việc kiểm tra đối chiếu số liệu vì đặc điểm khối lượng hàng hoá của Công ty rất đa dạng. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp thiết thực cho doanh nghiệp.

+ Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế

toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

+Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Biểu số 05)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

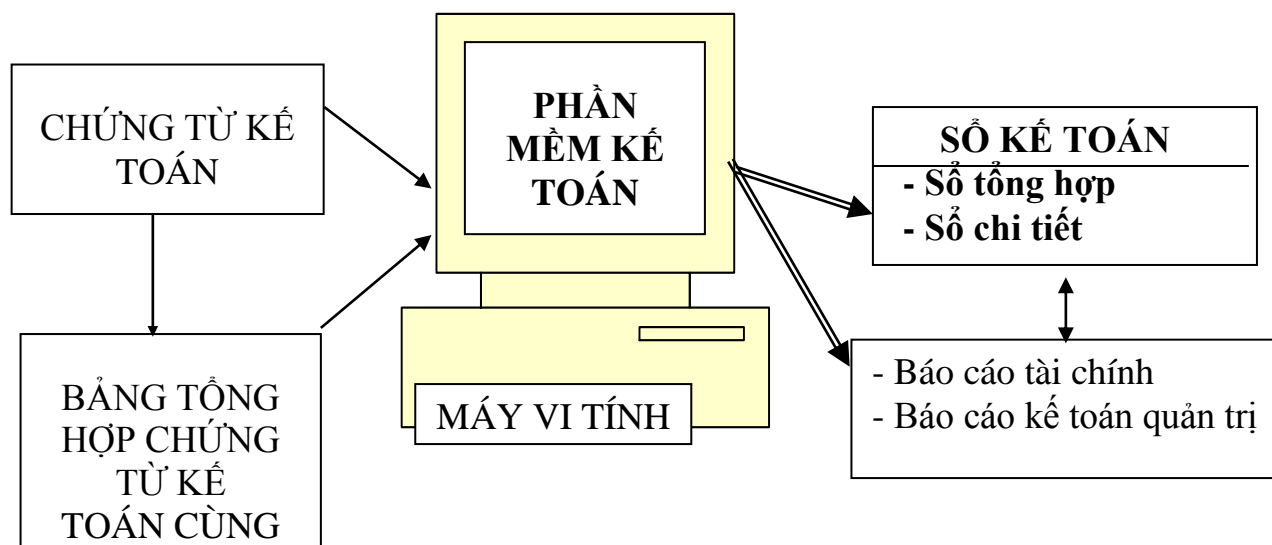
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

* Ý kiến 2: Bổ sung sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Về trình tự ghi sổ kế toán thì kế toán Công ty Cổ Phần Việt Úc sử dụng hình thức ghi sổ “ Chứng từ ghi sổ”. Nhưng trong thực tế kế toán công ty lại không sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay, vì:

- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ là một sổ kế toán tổng hợp được ghi theo thời gian, phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng, sổ vừa để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vừa quản lý Chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra số liệu với Bảng cân đối số phát sinh.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số SO2b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm: 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
192	31/12	2 936 211 900
193	31/12	2 972 618 731
194	31/12	3 847 792 900
195	31/12	3 906 556 025
196	31/12	1 678 905 000
197	31/12	789 654 983
198	31/12	3 758 163 658
....	
205	31/12	4 204 314 857
206	31/12	4 204 314 857
207	31/12	41 538 046
	Cộng tháng 12	22 567 890 546

Mẫu biểu số 3.1: Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ

*** Ý kiến 3: Cần có chính sách bán hàng**

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể và cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng của công ty nên tình hình kinh doanh diễn ra rất gay gắt. Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống lâu năm. Những khách hàng này thường mua hàng với số lượng lớn, thanh toán bằng chuyển khoản. Do vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như bớt giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với khối lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng. Khi áp dụng các biện pháp này kế toán mở tài khoản 521, 531, 532 để theo dõi.

- Phương pháp kế toán TK 521,531, 532.

Kết cấu TK 521, 531, 532

Bên Nợ	TK 521, 531, 532	Bên Có
- Số chiết khấu thương mại, số lượng hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thanh toán cho khách hàng.		- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển CKTM, HB bị trả lại, GGHB sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK 521,531, 532 không có số dư cuối kỳ.

+ Phản ánh số CKTM, GGHB thực tế phát sinh.

Nợ TK 521,531, 532: CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.

Nợ TK 3331: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 131...

+ Cuối kỳ, kết chuyển số tiền CKTM, hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng sang TK 511.

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 521, 531, 532: CKTM, HBTL, GGHB

Hiệu quả của việc hoàn thiện.

Với các biện pháp khuyến mại này có thể công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng KH mới trong tương lai. Vì

có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc mở thêm tài khoản này góp phần hoàn thiện, đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho Công ty đáp ứng yêu cầu của kế toán tiêu thụ.

*** Ý kiến 4: Hoàn thiện về hệ thống sổ sách kế toán trong hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

- Các nhà quản lý kinh doanh cần biết thông tin chi tiết cụ thể về các yếu tố chi phí cũng như việc sử dụng loại chi phí này để từ đó lập dự toán chi phí và chủ động điều tiết chi phí. Nhưng ở công ty tất cả các khoản chi phí phát sinh đều được tập hợp, phản ánh tổng hợp trên tài khoản 641 – Chi phí bán hàng và tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, không hạch toán chi tiết theo yếu tố chi phí, do đó thông tin mà kế toán cung cấp chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

- Để giải quyết hạn chế trên thì kế toán nên sử dụng sổ chi tiết TK 641 – Chi phí bán hàng và TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó những khoản chi ở bộ phận bán hàng và các chi phí liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ của đơn vị nên đưa thẳng vào TK 641. Những khoản chi phí phát sinh ở bộ phận văn phòng và chi phí quản lý doanh nghiệp nói chung nên đưa thẳng vào TK 642. Để chi tiết hơn có thể dùng tài khoản chi tiết cấp 2 cho mỗi loại chi phí phát sinh, việc làm này là cần thiết vì nó giúp cho việc theo dõi quản lý được dễ dàng, từ đó có thể đưa ra những biện pháp hữu hiệu đối với các khoản chi phí này. Để theo dõi các yếu tố chi phí phát sinh ở bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, kế toán có thể mở sổ chi tiết của TK 641 (mẫu biểu 3.2) và TK 642 (mẫu biểu 3.3).

Ví dụ: Trong tháng 12/2009 tại Công ty phát sinh các khoản chi bằng tiền mặt trong đó có nghiệp vụ mua bao bì phục vụ cho việc bảo quản sản phẩm. Theo hóa đơn GTGT số 0035837 ngày 21/12/2009 mua 500 chiếc với giá trị là 900 000đ. Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán vào sổ chi tiết bán hàng. Hàng tháng công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên và trích khấu hao bộ phận bán hàng. Căn cứ vào Bảng lương và Bảng trích khấu hao kế toán vào sổ chi tiết chi phí bán hàng.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc
 Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của
 Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- TK 641 - Chi phí bán hàng
- Tên phân xưởng
- Tên sản phẩm, dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ tài khoản 641				
	SH	NT			Số tiền	Chia ra			
						6411	6412	6414	...
								
21/12	HD0035837	21/12	Mua 500 bao bì	111	900 000		900 000		
								
31/12	BPB lương	31/12	Lương trả nhân viên bán hàng	334	18 524 560	18 524 560			
31/12	BPBKH	31/12	Khấu hao bộ phận bán hàng	214	971 250			971 250	
								
			Cộng		25 107 786	18 524 560	1 560 809	971 250

Mẫu biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

Ví dụ : Trong tháng 12/2009 tại Công ty phát sinh các khoản chi bằng tiền mặt trong đó có nghiệp vụ mua máy tính và bút bi phục vụ cho phòng kế toán. Theo hóa đơn GTGT số 0035683 ngày 15/12/2009 mua với tổng giá trị là 566 000đ. Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán vào sổ chi tiết quản lý doanh nghiệp. Hàng tháng công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên và trích khấu hao bộ phận quản lý doanh nghiệp. Căn cứ vào Bảng lương và Bảng trích khấu hao kế toán vào sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hiệu quả của việc hoàn thiện

Đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính và kế toán của Nhà nước do Bộ tài chính ban hành, nhân viên kế toán trên cơ sở để xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh cung cấp cho các nhà lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên, liên tục và có hệ thống về tình hình hiện có cũng như sự biến động của các khoản mục chi phí phát sinh để lập dự toán chi phí và phân đầu điều tiết chi phí sao cho các khoản chi phí này được giảm tối đa.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Úc
Địa chỉ: Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Tên phân xưởng
- Tên sản phẩm, dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ tài khoản 641				
	SH	NT			Số tiền	Chia ra			
						6411	6412	6414	...
								
15/12	HD0035683	15/12	Mua máy tính và bút bi	111	566 000		566 000		
								
31/12	BPB lương	31/12	Lương trả nhân viên QLDN	334	13 700 000	13 700 000			
31/12	BPBKH	31/12	Khấu hao bộ phận QLDN	214	1 102 250			1 102 250	
								
			Cộng		20 126 340	13 700 000	1 560 809	1 102 250

Mẫu biểu 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

KẾT LUẬN

Bán hàng (tiêu thụ) là khâu cuối cùng kết thúc một quá trình kinh doanh, nó chính là khâu trung gian nối liền sản xuất và tiêu dùng. Đặc biệt thông qua quá trình tiêu thụ mục tiêu lợi nhuận được thực hiện.

Một trong những yếu tố giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển chính là công tác kế toán. Trong đó công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh lại giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. Thông qua quá trình thu thập phản ánh và xử lý thông tin của công tác này mà các nhà lãnh đạo DN có thể nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó mà đưa ra các chính sách, chiến lược phù hợp giúp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả hơn.

Quá trình rèn luyện và thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Việt Úc đã giúp em hiểu rõ hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Do trình độ, kiến thức còn hạn chế nên khi viết khóa luận này em không tránh khỏi có những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo cũng như các cô chú, anh chị trong công ty để em có nhận thức một cách hoàn thiện hơn về công tác kế toán trong thực tế cũng như trong lý luận.

Cuối cùng, em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới cô giáo Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng và các thầy cô trong khoa kế toán kiểm toán, các cô chú, anh chị cán bộ phòng kế toán của Công ty Cổ Phần Việt Úc đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, Ngày 29 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Trần Thị Oanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ***Kế toán doanh nghiệp*** - PGS.TS. Nguyễn Văn Công - Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân - năm 2007.
2. ***Vận dụng chuẩn mực kế toán vào các phần hành kế toán doanh nghiệp*** - PGS.TS. Nguyễn Văn Công - Nhà xuất bản thông kê - năm 2004.
3. ***Giáo trình Kế toán tài chính*** - PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính - 2005.
4. ***Giáo trình Chế độ kế toán doanh nghiệp*** - Quyển 1 - Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính - năm 2006.
5. ***Giáo trình Chế độ kế toán doanh nghiệp*** - Quyển 2 - Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính - năm 2006.
6. ***Giáo trình hệ thống kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*** - TS. Phạm Huy Đoàn - Nhà xuất bản tài chính.
7. ***Các sổ sách chứng từ của Công ty Cổ Phần Việt Úc.***

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm qua đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng được với quy luật của nền kinh tế thị trường, làm ăn đạt hiệu quả cao. Có được những thành tựu đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu thụ. Trong đó, không thể không kể đến công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nói riêng. Nó góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Và công ty Cổ Phần Việt Úc cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Xuất phát từ lí luận và thực tiễn đặt ra cho công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Sau khi đi sâu tìm hiểu thực tế về công tác này tại công ty Cổ Phần Việt Úc, em đã chọn đề tài: **“Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt Úc”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt Úc.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt Úc.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng, các thầy cô trong Khoa quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng, các phòng ban trong công ty cổ phần Việt Úc đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Trần thị Oanh

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	1
1.1. Những vấn đề chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1 Các khái niệm cơ bản liên quan đến bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. ...	1
1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến bán hàng	1
1.1.1.2. Các khái niệm liên quan đến xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.2. Nguyên tắc kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán bán hàng.	4
1.1.2.2. Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh.	6
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	6
1.2. Nội dung tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	7
1.2.1 Kế toán bán hàng.....	7
1.2.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng:	7
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng:.....	7
1.2.1.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:.....	13
1.3. Tổ chức hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT ÚC	28
2.1 Khát quát chung về Công ty Cổ phần Việt Úc:	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Việt Úc:.....	28
2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần Việt Úc.	28
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Việt Úc:	30
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Úc	32

Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Việt Úc.....	32
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty cổ phần Việt Úc:	33
2.1.5. Tổ chức hình thức kế toán tại công ty Cổ Phần Việt Úc.	33
2.1.5.1. Hình thức ghi sổ	33
2.1.5.2. Một số đặc điểm khác.	34
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Úc:.....	35
2.2.1 Kế toán bán hàng.....	35
2.2.1.1 Đặc điểm quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần Việt Úc..	35
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	36
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng.....	37
2.2.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	64
2.2.2.1 Đặc điểm của quá trình xác định kết quả kinh doanh.	64
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.	64
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.	64
2.2.3. Báo cáo liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.....	72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT ÚC.	73
3.1. Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ Phần Việt Úc....	73
3.1.1. Ưu điểm.....	74
3.1.2 Hạn chế.....	75
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công Cổ Phần Việt Úc.	76
3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	76
3.2.1.1 Yêu cầu.....	76
3.2.1.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện.	77
3.2.2 Một số biện pháp.	78
KẾT LUẬN	87
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

***Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ Phần Việt Úc.***
